BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4 VÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4 KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 3,TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3818 1888 Fax: (84-4) 3818 1688

Chi nhánh Tp.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3915 1368 Fax: (84-8) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng: 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 3525 777 Fax: (84-511) 3525 779

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4

Địa chỉ: Tầng 10– 11, toà nhà ICON4, số 243A, đường Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 043 6420371 Fax: 043 6811275

Tháng 02 năm 2014

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU 4

1. Tổ chức phát hành 4
2. Cổ phần chào bán đấu giá 4
3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần 5
4. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc 6
5. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI 6

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH 7

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN 8

IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN . 9

V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA 10

1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp cổ phần hóa 10
2. Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa 11
3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty 11
4. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu 12
5. Tình hình lao động chuyển sang công ty cổ phần 12
6. Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2012 17
7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp 19
8. Danh sách những Công ty Mẹ, Công ty con của doanh nghiệp cổ phần hóa 24
9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa 26
10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 40

VI. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HOÁ ... 43

1. Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh 43
2. Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp khi chuyển sang công ty cổ phần 44
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi thực hiện cổ phần hoá 47

3.1 Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kề sau khi cổ phần hoá 47

3.2 Các giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 47

4. Chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa 52
5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần 53

VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN 53

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ 55

IX. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 56

1. Rủi ro về nền kinh tế 56
2. Rủi ro về luật pháp 57
3. Rủi ro đặc thù 57
4. Rủi ro của đợt chào bán 59
5. Các rủi ro khác 59

X. THAY LỜI KẾT 60

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

1. Tổ chức phát hành

– Tên Công ty	:	**Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 4**
– Địa chỉ	:	Tầng 10– 11, toà nhà ICON4, số 243A, đường Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
– Điện thoại	:	043 6420371
– Fax	:	043 6811275
– Vốn điều lệ Công ty cổ phần	:	600.000.000.000 đồng
– Mệnh giá cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần
– Tổng số lượng cổ phần	:	60.000.000 cổ phần

Trong đó

❖ *Cổ phần nhà nước*	:	*21.000.000 cổ phần, chiếm 35% vốn điều lệ*
❖ *Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động*	:	*5.174.800 cổ phần, chiếm 8,62% vốn điều lệ*
❖ *Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn*	:	*1.800.000 cổ phần, chiếm 3% vốn điều lệ*
❖ *Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược*	:	*15.900.000 cổ phần, chiếm 26,5% vốn điều lệ*
❖ *Các nhà đầu tư qua đấu giá*	:	*16.125.200 cổ phần, chiếm 26,88% vốn điều lệ*

2. Cổ phần chào bán đấu giá

– Số lượng cổ phần chào bán đấu giá	:	16.125.200 cổ phần, bằng 26,88% vốn điều lệ
– Loại cổ phần chào bán	:	Cổ phần phổ thông
– Hình thức chào bán	:	Chào bán cổ phần lần đầu của Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước cổ phần hoá theo phương thức đấu giá qua tổ chức trung gian tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
– Giá khởi điểm bán đấu giá	:	10.000 đồng/cổ phần
– Đặt cọc	:	Bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
– Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư	:	100 cổ phần

được đăng ký mua tối thiểu

- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối đa : 16.125.200 cổ phần

3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần

3.1 Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin, nhận đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá:

Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 4 do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

3.2 Thời gian nộp đơn đăng ký tham dự đấu giá, nộp tiền cọc và nhận phiếu đấu giá:

Theo thời gian được ghi tại Quy chế đấu giá.

3.3 Điều kiện đăng ký tham dự đấu giá

(1) Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu và nộp đúng thời hạn theo quy định.

(2) Nộp đủ tiền đặt cọc là 10% tổng giá trị cổ phần đăng ký tính theo giá khởi điểm trong thời hạn đăng ký như quy định.

(3) Đảm bảo đủ điều kiện tham gia đầu tư, đấu giá mua cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển Công ty 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

(4) Có các giấy tờ liên quan khác:

- *Đối với cá nhân trong nước:*
  - Xuất trình CMND, giấy tờ tuỳ thân hợp lệ để tiến hành đối chiếu.
  - Kê khai địa chỉ cụ thể, chính xác và rõ ràng.
- *Đối với tổ chức trong nước:*
  - Nếu người Đại diện theo pháp luật không đăng ký trực tiếp thì phải có Giấy ủy quyền hợp lệ do người Đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền cho người đăng ký tham dự. Người được uỷ quyền phải mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ khi đăng ký tham dự đấu giá.
  - Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức đó (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập…)
- *Đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài:*
  - Bản sao Hộ chiếu/CMND (trường hợp ủy quyền đấu giá cho người Việt Nam).

- Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu có).
- Xuất trình giấy mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.
- Đối với tổ chức: Ngoài các hồ sơ trên, cần có thêm Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập…), Công văn ủy quyền hợp lệ cho người đại diện tổ chức đó tham dự đấu giá (trong trường hợp đây không phải là người đại diện pháp lý của tổ chức đó).

3.4 Quy định về nộp tiền đặt cọc và tiền mua cổ phần:

Nhà đầu tư có thể nộp tiền mặt tại các địa điểm đăng ký tham dự đấu giá hoặc chuyển khoản vào các tài khoản của các đại lý đấu giá được công bố trong ***Quy chế đấu giá***

3.5 Giới hạn về số lượng cổ phần đăng ký tham dự đấu giá:

- ***Đối với nhà đầu tư trong nước***: Mỗi nhà đầu tư được phép mua với khối lượng tối thiểu 100 cổ phần và tối đa bằng tổng số lượng cổ phần chào bán là **16.125.200** cổ phần.
- ***Đối với nhà đầu tư nước ngoài***: Mỗi nhà đầu tư được phép mua với khối lượng tối thiểu 100 cổ phần và tối đa bằng tổng số lượng cổ phần chào bán là **16.125.200** cổ phần.

4. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc

❖ ***Thời gian tổ chức buổi đấu giá:***

Theo thời gian được quy định tại ***Quy chế đấu giá.***

❖ ***Địa điểm tổ chức bán đấu giá cổ phần:***

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

❖ ***Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:***

– Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần: Theo quy định tại ***Quy chế đấu giá.***

– Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần: Nhà đầu tư có thể nộp tiền mặt tại các địa điểm đăng ký tham dự đấu giá hoặc chuyển khoản vào các tài khoản ngân hàng được công bố trong quy chế đấu giá.

– Thời gian hoàn trả tiền đặt cọc: Theo quy định tại ***Quy chế đấu giá.***

– Địa điểm: Tại các địa điểm đã đăng ký tham dự đấu giá.

5. *Tổ chức tư vấn:* CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 3 - TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Số điện thoại: 04. 3818 1888 Fax: 04. 3818 1688

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng:

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng

Số điện thoại: 0511. 3525 777 Fax: 0511. 3523 779

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM

Số điện thoại: 08. 3915 1368 Fax: 08. 3915 1369

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển Công ty 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Văn bản số 2447/TTg-ĐMDN ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước của Bộ Giao thông vận tải;
- Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015;
- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 25/7/2012 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4;
- Quyết định số 49/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa;
- Quyết định số 51/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2013 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ -Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4;
- Biên bản Đại hội công nhân viên chức bất thường n gày 02/11/2013 về việc thông qua phương án cổ phần hóa Tổng công ty Xây dựng công trình Giao thông 4;

- Quyết định số 3165/QĐ-BGTVT ngày10/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 để thực hiện cổ phần hóa;
- Quyết định số 27/QĐ-TTg ngày 06/01/2014. của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 4;
- Quyết định số 122/QĐ-BGTVT ngày 13/01/2014 của Bộ Giao thông vận tải về phê duyệt giá khởi điểm và nhà đầu tư chiến lược khi thực hiện phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 4;
- Hợp đồng số 1525/2013/SHS-HĐTV ngày 19/12/2013 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội với Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 4 về dịch vụ tư vấn bán đấu giá cổ phần;
- Và các văn bản pháp lý khác liên quan.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hoá:

- **Ông Nguyễn Quang Vinh** — Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 - Trưởng ban

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hoá và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hoá thông qua.

2. Doanh nghiệp cổ phần hoá: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4

- **Ông Lê Ngọc Hoa** — Chức vụ: Tổng Giám đốc
- **Ông Nguyễn Vĩnh Lộc** — Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là phù hợp với thực tế chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 4 trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

3. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

- **Ông Vũ Đức Tiến** — Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

  (Theo Giấy ủy quyền số 08/2013/UQ-TGĐ ngày 02/03/2012 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần

Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)

Bản Công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 4. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 4 cung cấp.

IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản công bố thông tin:

• Doanh nghiệp cổ phần hóa	:	Công ty TNNHH một thành viên Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 4 **hoặc** Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 4 **hoặc** Tổng Công ty xây dựng Công trình Giao thông 4
• Tổng Công ty	:	Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 4
• CIENCO4	:	Tổng Công ty xây dựng Công trình Giao thông 4
• BGTVT	:	Bộ Giao thông vận tải
• HĐTV	:	Hội đồng thành viên
• XDCT	:	Xây dựng công trình
• SHS	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
• Tổ chức tư vấn	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
• CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên

V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp cổ phần hóa

- ***Thông tin khái quát***

– Tên doanh nghiệp:	**Công ty TNHH một thành viên Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4**
– Địa chỉ:	Tầng 10– 11, toà nhà ICON4, số 243A, đường Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
– Điện thoại:	043 6420371 Fax: 043 6811275
– Website:	www.cienco4.vn
– Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV	Số 2900324850 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11/12/2012.
– Sản phẩm dịch vụ chủ yếu:	Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước

- ***Lịch sử hình thành và phát triển***

Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) được thành lập trên cơ sở sắp xếp lại Văn phòng Tổng công ty, các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các chi nhánh và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo Quyết định số 2601/QĐ-BGTVT ngày 22/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Tổng công ty là đơn vị kế thừa truyền thống của Cục Công trình - Bộ Giao thông vận tải, được thành lập ngày 27/12/1962 tại Hà Nội. Tháng 6/1965 để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo giao thông vùng Khu 4 cũ, Cục Công trình được chuyển vào Nghệ An và đổi tên thành Cục Công trình I. Đến năm 1976 Cục chuyển sang làm nhiệm vụ khôi phục và xây dựng kinh tế và được đổi tên thành Xí nghiệp liên hợp công trình I. Cuối năm 1982 đổi tên thành Liên hiệp các xí nghiệp Xây dựng công trình giao thông 4. Năm 1991, Bộ Giao thông vận tải quyết định tách lực lượng xây dựng cơ bản trong Liên hiệp và thành lập Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông Miền Trung. Tháng 12/1995, Tổng công ty được Bộ giao thông vận tải thành lập lại (tại quyết định số 4985/QĐ-BGTVT) và đổi tên thành Tổng công Xây dựng công trình giao thông 4. Ngày 22/8/2007 Bộ Giao thông vận tải ra quyết định số 2601/QĐ-BGTVT về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4.

Thực hiện Quyết định số 49/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2013 của Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty.

2. Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900324850 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11/12/2012, ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty, gồm:

- Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thuỷ lợi, dân dụng;
- Xây dựng các công trình hạ tầng cấp thoát nước, san lấp nền, điện chiếu sáng;
- Gia công chế tạo dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí;
- Chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, xe máy;
- Khai thác vật liệu, khoáng sản: mỏ đá các loại, sỏi cát, quặng;
- Đầu tư các công trình hạ tầng giao thông, các công trình hạ tầng khác theo phương thức B.O.T hoặc B.T;
- Khảo sát, thiết kế công trình giao thông, dân dụng, điện, công nghiệp, thuỷ lợi - nông - lâm nghiệp và công trình hạ tầng;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng công trình giao thông, dân dụng, điện, công nghiệp, thuỷ lợi và công trình hạ tầng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình giao thông và công trình thuộc ngành khác;
- Sản xuất và kinh doanh xi măng, vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình điện, thông tin liên lạc;
- Sản xuất, kinh doanh cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm;
- Kinh doanh thương mại; xuất khẩu hàng hoá, vật tư, máy móc thiết bị;
- Đầu tư, kinh doanh bất động sản: khu công nghiệp, khu đô thị, nhà ở, văn phòng;
- Đạo tạo nghề ngắn hạn, hợp tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới;
- Cung ứng lao động trong nước, xuất khẩu lao động và chuyên gia;
- Vận tải hàng hóa, vật tư.

3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty mẹ - Tổng Công ty:

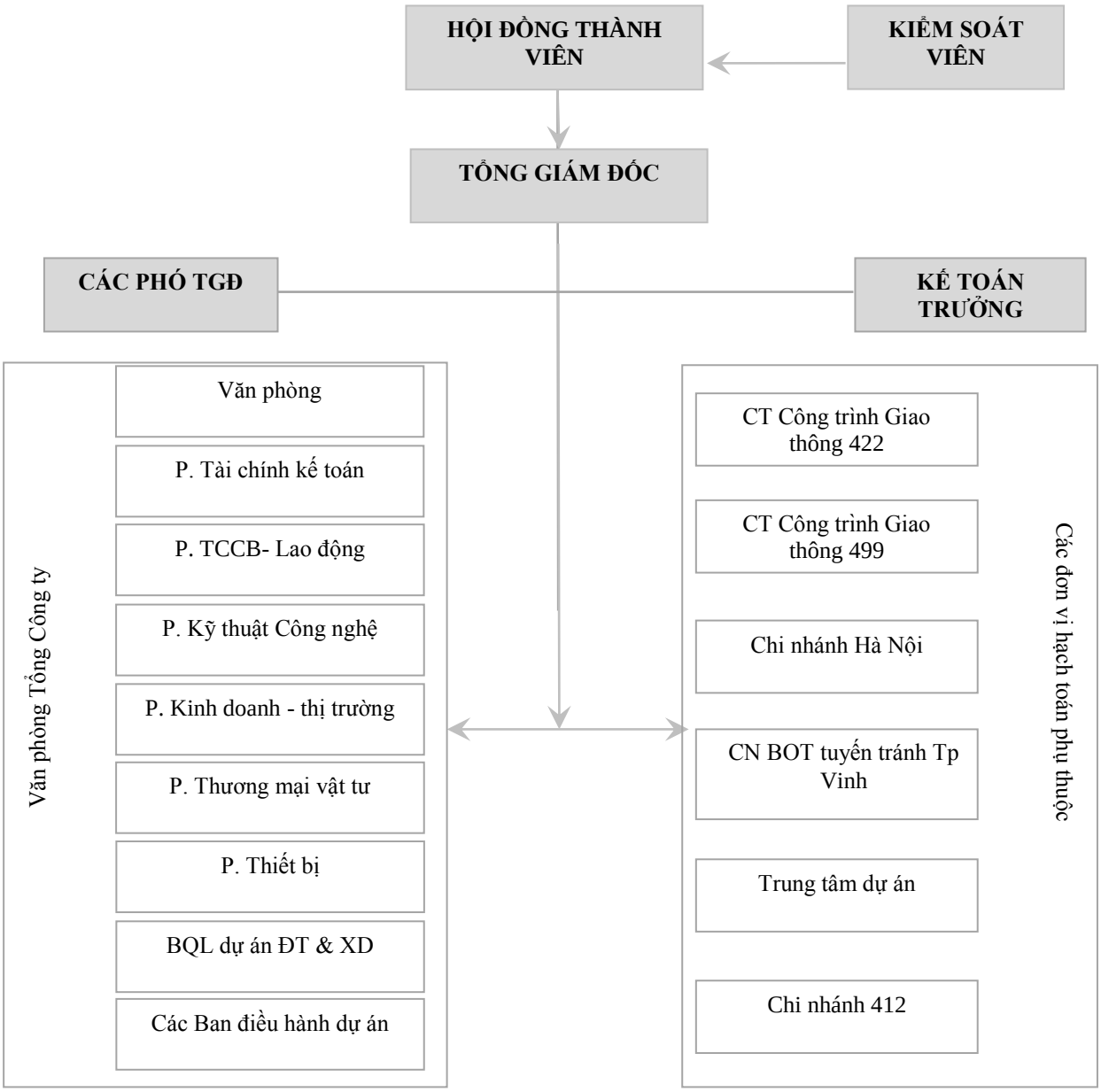

– Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty mẹ - Tổng Công ty bao gồm: Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc công ty và Kiểm soát viên. Chủ tịch Tổng công ty, Tổng Giám đốc.

– Bộ máy giúp việc: Các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng , kiểm soát viên, khối văn phòng Tổng công ty và Các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

4. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu

Là một đơn vị có truyền thống về xây dựng, Công ty mẹ - Tổng công ty tập trung mảng xây lắp công trình giao thông: cầu, đường bộ, …; Công trình thủy lợi; Sân bay; Hạ tầng cấp thoát nước; San lấp nền; Điện chiếu sáng.

Một số công trình tiêu biểu của Tổng Công ty thời gian qua:

TT	Tên công trình	Địa điểm	GTHĐ (Tr. Đồng)	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	
					Khởi công	Hoàn thành
1	Cầu trên QL1A từ Sài Gòn - Cần Thơ	TP Hồ Chí Minh – Cần Thơ	454.234	PMU18	10/1996	06/2004
2	XD cầu Quán Hàu	Quảng Bình	145.812	PMU85	12/1996	10/200
3	XD đường nối QL1A xuống cảng Dung Quất	Quảng Ngãi	32.000	CT LD nhà máy lọc dầu Việt - Nga	03/1998	06/2000
4	XD cầu Dứa	Khánh Hòa	29.000	BQLDA GT Khánh Hòa	09/1998	06/2001
5	XD cầu Bình Phú	Phú Yên	22.000	BQLDA GT Phú Yên	10/1998	06/2000
6	Nâng cấp QL1A đoạn Vinh - Đông Hà (gói 1&2)	Nghệ An	647.000	PMU1	08/1998	03/2001
7	Nâng cấp QL1A đoạn Vinh - Đông Hà (gói 3&4)	Quảng Bình	554.365	PMU1	08/1998	03/2001
8	XD cảng Vũng Áng	Hà Tĩnh	69.500	PMU85	12/1998	08/2000
9	XD cầu Trần Phú	Khánh Hòa	31.500	BQLDA GT Khánh Hòa	08/1999	04/2002
10	XD cầu Tân Đệ	Nam Định	249.600	PMU18	11/1999	11/2001
11	XD 4 cầu trên QL1A (Thạch Hãn, Sư Lỗ, Lăng Cô, Tam Kỳ)	Quảng Trị - Quảng Nam	91.000	PMU18	12/1999	10/2001
12	XD cầu Vĩnh Thuận	Tiền Giang	18.000	PMU đường thủy	06/2000	10/2001
13	Nâng cấp QL1A đoạn Đông Hà - Phú Bài	Quảng Trị	92.000	PMU1	06/2000	05/2002
14	XD đường Hồ Chí Minh	Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Kom tum	522.848	BQLDA đường Hồ Chí Minh	07/2000	06/2006
15	XD đường tránh Tp Hải phòng	Hải Phòng	155.000	PMU18	10/2000	06/2004
16	XD đường tránh Tp Huế	Huế	52.000	BQLDA Biển đông	05/2001	05/2003
17	XD cầu Trường Hà	Huế	28.860	BQLDA CT Huế	08/2001	01/2004
18	Nâng cấp cầu trên QL1: Cầu bồng Sơn, Bàn Thạch, Đà Rằng, Diêu Trì, Tam Giang	Phú Yên	592.178	PMU 18	08/2001	12/2006

TT	Tên công trình	Địa điểm	GTHĐ (Tr. Đồng)	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	
					Khởi công	Hoàn thành
19	XD cầu nối bên 1&3 và bến 4 cảng Cửa Lò	Nghệ An	23.500	Cảng Nghệ Tĩnh	09/2001	03/2003
20	XD cầu Bến Lức	Long An	94.450	PMU 18	12/2001	12/2002
21	XD cầu Hà Nha	Quảng Nam	65.733	PMU Biển Đông	12/2001	02/2004
22	Nâng cấp QL 14B	Quảng Nam	87.600	BQLDA Bình Định	01/2002	06/2006
23	Dự án xây dựng cầu Yên Lệnh (B.O.T)	Hưng Yên	297.397	BQLDA Biển đông	05/2002	05/2004
24	Dự án XD cầu Nhật Lệ	Quảng Bình	44.750	PMU Quảng Bình	06/2002	06/2004
25	Nâng cấp QL 12B	Quảng Bình	82.500	BQLDA Quảng Bình	06/2002	12/2004
26	Nâng cấp QL 6	Sơn La	112.000	BQLDA 1	02/2003	02/2005
27	XD giao thông đồng bằng sông Mê Kông và chống ngập - gói thầu FL1	Đông Hà	38.750	PMU 18	04/2003	10/2004
28	XD cầu Cả Chát Nhỏ	Bến Tre	47.500	BQLDA Bến Tre	05/2003	06/2005
29	XD cầu Rộ	Nghệ An	25.500	BQLDA đường Hồ Chí Minh	05/2003	05/2004
30	XD tuyến tránh TP Vinh (B.O.T)	Tp Vinh	362.000	CIENCO 4	05/2003	05/2005
31	XD đường Trần Phú	Tp Nha Trang	169.500	BQLDA CTTC Khánh Hòa	06/2003	06/2005
32	XD giao thông đồng bằng sông Mê Kông và chống ngập - gói thầu FL2	Đà Nẵng	111.649	PMU 1	11/2003	07/2005
33	Nâng cấp QL 80	Đồng Tháp	42.350	BQLDA 9	12/2003	12/2005
34	Nâng cấp QL7	Nghệ An	126.000	BQLDA 85	01/2004	06/2006
35	Nâng cấp QL 10 đoạn Núi Đèo - Phà Rừng	Hải Phòng	43.200	BQLDA 18	01/2004	06/2005
36	XD cầu Nhơn Hội	Bình Định	210.000	BQLDA Bình Định	01/2004	06/2006

TT	Tên công trình	Địa điểm	GTHĐ (Tr. Đồng)	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	
					Khởi công	Hoàn thành
37	XD cầu Kêng Ngang	Tp Hồ Chí Minh	67.870	BQL giao thông TP.HCM	12/2004	06/2006
38	XD đường cao tốc Hồ Chí Minh - Trung Lương	Long An	779.700	BQL dự án Mỹ Thuận	12/2004	08/2008
38	Cảng Cửa Lò	Nghệ An	23.500	Cảng Nghệ Tĩnh	09/2001	03/2003
40	Mở rộng QL1 - đoạn Trung Lương - Mỹ Thuận. Gói thầu số 10 mở rộng 4 cầu: Bình Phú, Bà Tồn, Mỹ Thiện và Ông Vẽ	Tiền Giang	35.151	PMU 1	01/2005	01/2006
41	Nâng cấp QL10 - gói thầu S2: đoạn Lộc An - QL21	Nam Định	357.272	PMU18	02/2005	07/2007
42	XD cầu Vĩnh Tuy	Hà Nội	301.005	BQLDA Tả Ngạn	09/2005	03/2008
43	XD nhà máy thủy điện Đa Khai	Đà Lạt	218.713	CIENCO 4	10/2005	03/2009
44	XD cầu Thủ Biên	Bình Dương	115.884	BQLDA Bình Dương	03/2007	12/2009
45	XD cầu Hàm Luông	Bến Tre	139.890	BQLDA giao thông 9	04/2007	04/2010
46	XD cầu Pá Uôn	Sơn La	91.632	PMU1	04/2007	06/2010
47	XD cầu Phùng QL32	Hà Tây	180.027	PMU18	03/2008	09/2010
48	Khôi phục cầu trên QL1, GĐ III, đoạn Cần Thơ - Cà Mau, gói thầu 2B: xây dựng 7 cầu	Cần Thơ - Cà Mau	378.756	PMU18	04/2008	05/2011
49	XD ĐCT Bắc Nam - GT 3.2, đoạn Giẽ - Ninh Bình	Ninh Bình	748.574	VEC	04/2008	05/2011
50	XD đường vành đai 3 - gói thầu 3	Hà Nội	1.376.117	PMU Thăng Long	06/2011	06/2012
51	XD đường vành đai 3 - gói thầu 1	Hà Nội	1.416.386	PMU Thăng Long	02/2011	10/2012
52	Nâng cấp mở rộng QL1 đoạn cầu Đoan Vĩ cửa phía Bắc & cửa	Ninh Bình	244.575	BQLDA XDGT Ninh Bình	10/2011	12/2012

TT	Tên công trình	Địa điểm	GTHĐ (Tr. Đồng)	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	
					Khởi công	Hoàn thành
	phía nam Dốc Xây, tỉnh Ninh Bình					
53	Nâng cấp và kéo dài đường CHC-17R-GT số 24	Đà Nẵng	36.366	TCT cảng hàng không Việt Nam	08/2012	01/2013
54	XD cầu Nguyễn Tri Phương	Đà Nẵng	495.000	BQLDA ĐT CSHT ưu tiên Đà Nẵng	06/2011	04/2013
55	XD cầu Phù Đổng 2	Hà Nội	449.000	PMU Thăng Long	11/2008	08/2013
56	XD Cầu Bến Thủy 2	Nghệ An	868.000	PMU 85	6/2010	9/2012

5. Tình hình lao động của Công ty mẹ - Tổng Công ty chuyển sang Công ty cổ phần

5.1. Thu nhập CBCNV

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	10/10/2013
1	Tổng số lao động (người)	1.150	1.224	1.257	1.440
2	Thu nhập BQ (đồng/người/tháng)	7.038.000	7.794.000	8.155.000	8.950.000

5.2. Cơ cấu và trình độ lao động của Tổng Công ty sau khi cổ phần hoá

- Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động tại thời điểm phê duyệt giá trị doanh nghiệp (10/10/2013) là: **1.440 người**
- Phân loại lao động của Công ty trước Cổ phần hóa như sau:

Cán bộ	31/12/12		10/10/13	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ lao động	**1.257**	**100**	**1.440**	**100**
1. Trình độ đại học và trên đại học	443	35,24	503	34,93
2. Trình độ cao đẳng, trung cấp	80	6,37	87	6,04
3. Công nhân kỹ thuật	688	54,73	839	58,26
4. Lao động phổ thông	46	3,66	11	0,77
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	**1.257**	**100**	**1.440**	**100**

Cán bộ	31/12/12		10/10/13	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
1. Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	50	3,97	56	3,88
2. Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	240	19,09	250	17,36
3. Lao động không xác định thời hạn	967	76,92	1.134	78,76

❖ Cơ cấu lao động của Công ty sau cổ phần hóa

Loại lao động	Lao động	
	Số người	Tỷ lệ (%)
1. Trình độ đại học và trên đại học	498	34,99
2. Trình độ cao đẳng, trung cấp	80	5,86
3. Công nhân kỹ thuật	799	58,49
4. Lao động khác	9	0,66
Tổng cộng	**1.386**	**100,00**

6. Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2013

Theo Quyết định số 3165/QĐ-BGTVT ngày 10/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4, giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30/6/2013 là 3.147.283.829.500 đồng. Trong đó, giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 383.086.147.469 đồng.

Số liệu theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2013 như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A	**Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)**	**3.055.880.029.045**	**3.147.283.829.500**	**91.403.800.455**
I	**Tài sản cố định và đầu tư dài hạn**	**1.079.087.539.386**	**1.152.590.345.847**	**73.502.806.461**
1	Tài sản cố định	404.761.897.027	471.917.249.971	67.155.352.944
a.	TSCĐ *hữu hình*	374.024.708.403	396.315.197.447	22.290.489.044
b.	TSCĐ *vô hình*	30.737.188.624	75.602.052.524	44.864.863.900
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	179.005.906.574	185.353.360.091	6.347.453.517
3	Chi phí XDCB dở dang	384.798.862.056	384.798.862.056	

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
4	Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	254.613.300	254.613.300	-
5	Chi phí trả trước dài hạn	110.266.260.429	110.266.260.429	-
II	**Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn**	**1.976.792.489.659**	**1.976.992.252.387**	**199.762.728**
1	Tiền	155.190.275.286	155.190.275.286	-
	Tiền mặt tồn quỹ	7.646.550.682	7.646.550.682	-
	Tiền gửi ngân hàng	147.543.724.604	147.543.724.604	-
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	264.108.945.221	264.108.945.221	-
3	Các khoản phải thu	1.227.857.885.621	1.227.857.885.621	-
4	Hàng tồn kho	296.051.500.355	296.051.500.355	-
5	Tài sản lưu động khác	33.583.883.176	33.583.883.176	-
6	Chi phí sự nghiệp	-	-	-
7	CCDC đã phân bổ hết giá trị còn sử dụng	-	199.762.728	199.762.728
III	**Giá trị lợi thế thương mại**	**-**	**17.701.231.266**	**17.701.231.266**
IV	**Giá trị quyền sử dụng đất**	**-**	**-**	**-**
B	**Tài sản không cần dùng**	**-**	**-**	**-**
I	**Tài sản cố định và đầu tư dài hạn**	**-**	**-**	**-**
1	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	-	-	-
2	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
4	Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
II	**Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn**	**-**	**-**	**-**
1	Công nợ không có khả năng thu hồi	-	-	-
2	Hàng tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất	-	-	-
C	**Tài sản chờ thanh lý**	**581.283.850**	**581.283.850**	**-**
I	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	581.283.850	581.283.850	0
II	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
D	**Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng** (không sử dụng cho SXKD)	**-**	**-**	**-**

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	**3.056.461.312.895**	**3.147.865.113.350**	**91.403.800.455**
A	Trong đó: **TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP** (Mục A)	**3.055.880.029.045**	**3.147.283.829.500**	**91.403.800.455**
E1	**Nợ thực tế phải trả**	**2.722.686.178.031**	**2.764.197.682.031**	**41.511.504.000**
	Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	*41.511.504.000*	*41.511.504.000*
E2	**Nguồn kinh phí sự nghiệp**	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A – (E1+E2)]	**333.193.851.014**	**383.086.147.469**	**49.892.296.455**

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH tư vấn kế toán và kiểm toán Việt Nam (AVA))

7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

- ***Đất đai***: Tổng Công ty đang quản lý và sử dụng 8 lô đất với tổng diện tích đất **29.645,8 m²** với: Văn phòng Công ty mẹ trực tiếp quản lý 29.645,8 m² tại Nghệ An, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh:

Stt	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Hình thức thuê, giao đất
I	**ĐẤT TẠI NGHỆ AN**				
1	29 Quang Trung, Vinh, Nghệ An (lô 1)	1.603,8	- Quyết định số 3258/QĐ-BGTVT ngày 18/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải thống nhất Tổng công ty XDCTGT4 được giữ lại, tiếp tục quản lý 04 cơ sở nhà đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An; - Đất được giao theo Quyết định số 2359/QĐ-UB ngày 13/11/1993 của UBND tỉnh Nghệ An; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang mã số X327650 theo quyết định số 809/QĐ-UB.ĐC ngày 24/09/2003 của UBND tỉnh Nghệ An.	Trụ sở văn phòng làm việc của Văn phòng Công ty mẹ và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh 412, Công ty 422)	Đất giao
2	29 Quang Trung, Vinh, Nghệ An (lô 2)	115,4	- Quyết định số 3258/QĐ-BGTVT ngày 18/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải thống nhất Tổng công ty XDCTGT4 được giữ lại, tiếp tục quản lý 04 cơ sở nhà đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An; - Văn bản số 13500/BTC-QLCS ngày 09/10/2013 của Bộ Tài chính về phương án xử lý tổng thể sắp xếp nhà, đất của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 thuộc Bộ Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Nghệ An; - Hợp đồng thuê đất số 11/HĐ-TĐ ngày 25/9/2003; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X327618 ngày 13/10/2003	Trụ sở văn phòng làm việc Chi nhánh hạch toán phụ thuộc (Trung tâm Dự án)	Thuê đất 50 năm, đã trả tiền thuê đất một lần
3	215 Lê Lợi, Vinh, Nghệ An	1.457	- Quyết định số 3258/QĐ-BGTVT ngày 18/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải thống nhất Tổng công ty XDCTGT4 được giữ lại, tiếp tục quản lý 04 cơ sở nhà đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An; - Quyết định của UBND tỉnh Nghệ An số 226/QĐ-UBND.ĐC ngày 07/9/2012 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số BM 710760 ngày	Trụ sở văn phòng làm việc Chi nhánh hạch toán phụ thuộc	Giao lâu dài có thu tiền sử dụng đất

Stt	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Hình thức thuê, giao đất
			23/04/2013.		
4	Số 02 đường Nguyễn Du, Vinh, Nghệ An (trạm thu phí Bến Thủy)	220,8	- Quyết định số 3258/QĐ-BGTVT ngày 18/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải thống nhất Tổng công ty XDCTGT4 được giữ lại, tiếp tục quản lý 04 cơ sở nhà đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An; - Quyết định số 1872/QĐ-BGTVT ngày 02/6/2005 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển nguyên trạng toàn bộ trạm thu phí cầu Bến Thủy thuộc Công ty quản lý và sửa chữa đường bộ 487 về Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 - Quyết định số 4455QĐ/UB ngày 31/10/1997 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao 220,8m2 đất tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ an cho Khu quản lý đường bộ 4 sử dụng vào mục đích xây dựng trạm thu phí giao thông đường bộ	Trụ sở văn phòng làm việc Chi nhánh hạch toán phụ thuộc	Đất được bàn giao quản lý phục vụ dự án BOT tuyến tránh TP Vinh
5	Xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An	24.777	- Quyết định số 3258/QĐ-BGTVT ngày 18/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải thống nhất Tổng công ty XDCTGT4 được giữ lại, tiếp tục quản lý 04 cơ sở nhà đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An; - Văn bản số 13500/BTC-QLCS ngày 09/10/2013 của Bộ Tài chính về phương án xử lý tổng thể sắp xếp nhà, đất của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 thuộc Bộ Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Nghệ An; - Hợp đồng thuê đất số 114/HĐ-TĐ ngày 19/07/2011.	Đang trong quá trình xây dựng làm trụ sở làm việc	Thuê 50 năm trả tiền hàng năm kể từ ngày 30/05/2011
II	**ĐẤT TẠI HÀ NỘI**				
6	Số 19, Ngõ 1043, Giải Phóng, Hà Nội	563,4	- Hợp đồng thuê đất số 55-2002/ĐCNĐ-HĐTĐTN ngày 18/07/2002 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T813292 cấp ngày 27/12/2002	Văn phòng cho các Ban điều hành dự án của Tổng công ty và văn phòng đại diện tại Hà Nội cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc	Thuê 30 năm trả tiền thuê hàng năm kể từ ngày 19/06/2002

Stt	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Hình thức thuê, giao đất
III	**ĐẤT TẠI TP HỒ CHÍ MINH**				
7	08 thửa đất tại Tân Tạo, Bình Tân, Hồ Chí Minh	800	- Văn bản số 6148/BGTVT-TC ngày 08/9/2010 của Bộ GTVT thống nhất Tổng công ty XDCTGT4 được tiếp tục quản lý sử dụng các địa chỉ nhà đất trên địa bàn TP HCM; - Chuyển nhượng từ Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh theo hợp đồng gốc số 659TT/HĐCN/TT/BA.31,32,33,34,56,57,58,59/2001 ngày 16/01/2001	Trụ sở làm việc của công ty công trình giao thông 499	Được giao sử dụng lâu dài, đã nộp tiền sử dụng đất
8	171 Hồ Văn Huê, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	108,4	- Văn bản số 6148/BGTVT-TC ngày 08/9/2010 của Bộ GTVT thống nhất Tổng công ty XDCTGT4 được tiếp tục quản lý sử dụng các địa chỉ nhà đất trên địa bàn TP HCM; - Hợp đồng mua bán chuyển nhượng nhà ở số 2014/HĐ-MBN ngày 04/04/1997	Trụ sở làm việc của Tổng Công ty	Được giao sử dụng lâu dài, đã nộp tiền sử dụng đất

Đối với các khoản đất giao, giá trị xác định lại được tính vào giá trị doanh nghiệp như sau:

STT	Tên tài sản	Năm SD	Diện tích	Theo sổ sách			Theo xác định lại			Chênh lệch	
				Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
	(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6) = (4) -(5)*	*(7)*	*(8)*	*(9) = (7) * (8)*	*(10) = (7) - (4)*	*(11) = (9) - (6)*
1	Quyền sử dụng đất 29 Quang Trung TP.Vinh - Nghệ An	1997	1,603.8	-	-	-	41,511,504,000	100%	41,511,504,000	41,511,504,000	41,511,504,000
2	Quyền thuê đất 29 Quang Trung TP.Vinh - Nghệ An	1997	115.4	-	-	-	985,091,328	100%	985,091,328	985,091,328	985,091,328
3	Quyền sử dụng đất 215 Lê Lợi - Vinh - Nghệ An	2008	1,457.0	28,242,984,000	-	28,242,984,000	28,242,984,000	100%	28,242,984,000	-	-
4	Quyền thuê đất tại Số 19 ngõ 1043 Giải Phóng - Hà Nội	2002	563.4	1,612,450,800	321,017,604	1,291,433,196	1,612,450,800	80%	1,291,433,196	-	-
5	Số 37 đường Đào Duy Anh, phường 9, Quận Phú Nhuận (được đổi tên và đổi số nhà từ số 171 đường Hồ Văn Huê), TP. Hồ Chí Minh	1997	108.4	-	-	-	1,691,040,000	100%	1,691,040,000	1,691,040,000	1,691,040,000
6	Quyền sử dụng đất tại 62-68 Đường 50, KP 9, P.Tân Tạo, Q. Bình Tân, HCM	2001	800.0	1,351,428,571	148,657,143	1,202,771,428	1,880,000,000	100%	1,880,000,000	528,571,429	677,228,572
	TỔNG CỘNG			**31,206,863,371**	**469,674,747**	**30,737,188,624**	**75,923,070,128**		**75,602,052,524**	**44,716,206,757**	**44,864,863,900**

▪ ***Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2012***

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG) (VNĐ)	Giá trị còn lại (GTCL) (VNĐ)	GTCL/NG (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	576.049.678.841	415.626.229.976	72,15
2	Máy móc, thiết bị	192.424.169.951	102.756.044.895	53,40
3	Phương tiện vận tải và TBDCQL	54.515.460.605	23.763.201.937	43,59
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	7.357.763.288	2.728.849.407	37,09
5	TSCĐ hữu hình khác	18.310.943.671	11.760.207.588	64,23
	Cộng	**848.658.016.356**	**556.634.533.803**	**65,59**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012

▪ ***Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2013***

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG) (VNĐ)	Giá trị còn lại (GTCL) (VNĐ)	GTCL/NG (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	384.313.735.952	222.995.935.978	58,02
2	Máy móc, thiết bị	192.330.744.085	106.624.461.086	55,44
3	Phương tiện vận tải và TBDCQL	66.040.735.524	34.679.250.426	52,51
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	13.431.359.388	7.793.554.825	58,03
5	TSCĐ hữu hình khác	3.530.111.136	2.512.789.938	71,18
	Cộng	**659.646.686.085**	**374.605.992.253**	**56,79**

Nguồn: BCTC kiểm toán 6 tháng năm 2013

Sáu tháng đầu năm 2013, tài sản cố định của Công ty (cụ thể là Nhà cửa, vật kiến trúc) giảm mạnh là do Tổng Công ty thực hiện bán Nhà máy thủy điện Đa Khai.

8. Danh sách những Công ty Mẹ, Công ty con của doanh nghiệp cổ phần hóa

▪ ***Công ty mẹ***: Không có

▪ ***Các công ty con, Công ty liên kết***: Tính đến thời điểm 30/6/2013: Tổng công ty đang thực hiện quản lý phần vốn Nhà nước đầu tư tại 05 Công ty con, 14 Công ty liên kết và 02 Công ty liên doanh với tổng số vốn là 185.353.360.091 đồng. Cụ thể như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ nắm giữ trên vốn của đơn vị (%)
I	**Đầu tư vào công ty con**			
1.	CTCP XDCTGT 419	Số 01 Nguyễn Du, tp Vinh, Nghệ An	8.036.028.800	50,54
2.	CTCP 482	Số 155, đường Trường Chinh, Tp Vinh, Nghệ An	17.684.707.600	50,90
3.	CTCP XD & Đầu tư 492	Số 198, đường Trường Chinh, Tp Vinh, Nghệ An	14.709.702.174	50,89
4.	CTCP 471	Số 9 Trần Nhật Duật, tp Vinh, Nghệ An	15.117.020.000	49,56
5.	CTCP XD CTGT 479	Số 54 Nguyễn Du, Tp Vinh, Nghệ An	12.412.990.000	43,28
II	**Đầu tư vào công ty liên kết**			
6.	CTCP SXVL & XDCT 405	Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Tp Đồng Hới, Quảng Bình	1.386.500.000	39,61
7.	CTCP ĐTPT & XDCTGT 208	Số 24, ngõ 55, phố Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, HN	7.484.000.000	37,42
8.	CTCP Cơ khí & XD CT 465	Số 6 Phan Bội Châu, Tp Vinh, Nghệ An	5.650.000.000	35,31
9.	CTCP 473	Số 7 Nguyễn Cảnh Hoan, Tp Vinh, Nghệ An	9.200.000.000	40,00
10.	CTCP Tư vấn 497	Số 72, Nguyễn Sĩ Sách, Tp Vinh, Nghệ An	3.430.000.000	49,00
11.	CTCP XDCTGT 484	Số 152, đường Trường Chinh, Tp Vinh, Nghệ An	5.310.000.000	48,23
12.	CTCP 474	Số 132, Đường 26/3, phường Đại Nài, tp Hà Tĩnh,	4.653.000.000	47,00
13.	CTCP 483	Thôn 6, xã Lộc Ninh, Tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	5.875.000.000	49,00
14.	CTCP 496	Số 56, đường Phan Đăng Lưu, Tp Vinh, Nghệ An	6.174.000.000	47,00
15.	CTCP 495	Xóm 12, xã Đà Sơn, Đô Lương, Nghệ An	6.345.000.000	47,00
16.	CTCP XD&TM 423	Số 61, Nguyễn Trường Tộ, Tp Vinh, Nghệ An	8.070.040.000	49,65
17.	CTCP XD CTGT 246	Ngõ 199, Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	4.970.000.000	49,70
18.	CTCP TMĐT&XD 424	Số 2, Nguyễn Sĩ Sách, Tp Vinh, Nghệ An	3.334.310.000	49,03
19.	CTCP XD CTGT 475	Số 198B, đường Trường Chinh, Tp Vinh, Nghệ An	4.341.900.000	46,68
III	**ĐT vào công ty liên doanh**			

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ nắm giữ trên vốn của đơn vị (%)
20.	CT TNHH 2TV BOT QL1A Cienco 4 – TCT 319	Số 29, Quang Trung, Tp Vinh, Nghệ An	10.951.708.000	50,00
21.	CT TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Chinh, Phường Lam Sơn, tỉnh Hưng Yên	23.870.000.000	50,58

Tính đến thời điểm 31/12/2013, Tổng Công ty đã thực hiện thoái hết vốn tại CTCP XD&TM 423; CTCP XD CTGT 246; CTCP TMĐT&XD 424; CTCP XD CTGT 475.

9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

9.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

9.1.1. Sản lượng sản phẩm và giá trị dịch vụ qua các năm

❖ *Doanh thu thuần*

TT	Doanh thu thuần	Năm 2010		Năm 2011	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Xây lắp	921.348	89,64	1.556.905	92,18
2	Thu phí (BOT)	74.690	7,27	81.274	4,81
3	Bán điện	20.015	1,95	29.900	1,77
4	Thương mại	11.747	1,14	20.846	1,23
Tổng		**1.027.800**	**100%**	**1.688.925**	**100%**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011

TT	Doanh thu thuần	Năm 2012		6 tháng 2013	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Xây lắp	2.912.726	92,22	1.303.201	77,94
2	Thu phí (BOT)	82.434	2,61	45.714	2,73
3	Bán điện	33.706	1,07	17.646	1,06
4	Thương mại	129.482	4,10	305.433	18,27
Tổng		**3.158.348**	**100%**	**1.671.994**	**100%**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2012, 6 tháng 2013

Doanh thu thuần của Tổng Công ty được đóng góp từ các mảng: Xây lắp, Thu phí (BOT), Bán điện (từ nhà máy Thủy điện Đa Khai) và Thương mại (Mua bán vật tư ngành xây dựng). Những năm gần đây, doanh thu thuần của Tổng công ty tăng trưởng khá tốt, năm sau cao hơn năm trước, cụ thể năm 2011 tăng 64,32% so với năm 2010 từ 1.027,8 tỷ đồng lên 1.688,9 tỷ đồng; Năm 2012 tăng 87,00% so với năm 2011 từ 1.688,9 tỷ đồng tỷ đồng lên 3.158,3 tỷ đồng (*do trong năm Tổng Công ty đã thực hiện xong nhiều hợp đồng lớn như: Xây dựng cầu Cửu Đại: 114 tỷ; cầu Đông Trù: 151 tỷ; cầu Nhật Tân: 332 tỷ; cầu Sông Hồng: 188 tỷ; cầu Sông Lô: 177 tỷ; đường kết nối Nội Bài – Nhật tân: 251 tỷ; Cầu Nguyễn Tri Phương: 263 tỷ; Công trình Sông Hồng và Sông Lô: 365 tỷ; gói thầu vành đai 3: 747 tỷ; .....*). Sự tăng trưởng này được ghi nhận từ việc tăng doanh thu của mảng Xây lắp là chủ yếu. Có sự tăng trưởng vượt bậc như vậy là sự đầu tư đúng hướng và nỗ lực hết mình vì công việc của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty.

Doanh thu thuần năm 2011

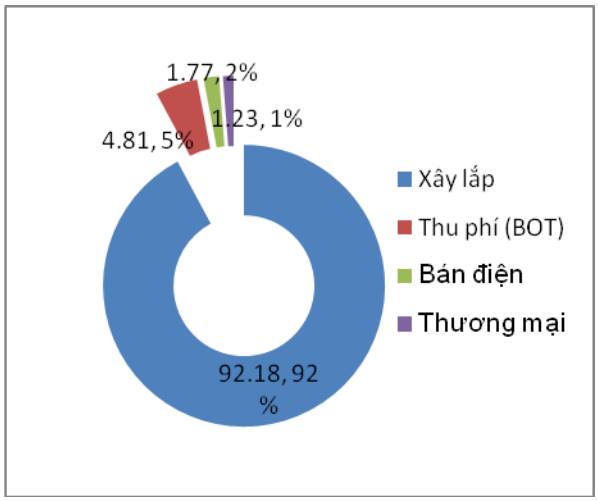

Doanh thu thuần năm 2012

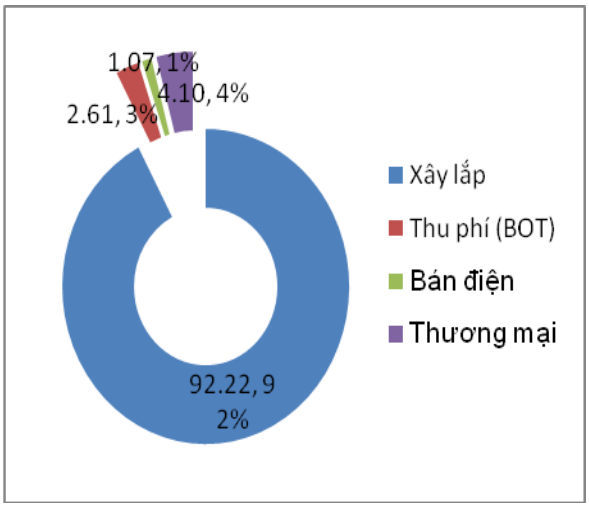

❖ *Lãi nhuận gộp từ các mảng kinh doanh*

TT	Lợi nhuận gộp	Năm 2010		Năm 2011	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Xây lắp	46.945	49,32	117.587	66,84
2	Thu phí (BOT)	38.474	40,42	36.434	20,71
3	Bán điện	9.762	10,26	21.408	12,17
4	Thương mại	0	0	489	0,28
Tổng		**95.181**	**100%**	**175.918**	**100%**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011

TT	Lợi nhuận gộp	Năm 2012		6 tháng 2013	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Xây lắp	203.077	77,90	80.598	70,44
2	Thu phí (BOT)	29.052	11,14	12.862	11,24
3	Bán điện	23.487	9,01	11.379	9,95
4	Thương mại	5.087	1,95	9.580	8,37
Tổng		**260.703**	**100%**	**114.419**	**100%**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2012, 6 tháng 2013

Dù chiếm tỷ trọng rất lớn trong Doanh thu thuần, nhưng mảng xây lắp chịu giá vốn khá cao, do vậy tỷ trọng trong lợi nhuận gộp giảm đáng kể, tuy nhiên mảng này vẫn là mảng mang lại lợi nhuận chính cho Tổng Công ty: năm 2010 là 49,32%; năm 2011 là 66,84%; năm 2012 là 77,9%. Ngoài ra thu phí (BOT), bán điện, thương mại cũng góp phần khá lớn vào lợi nhuận gộp của Tổng Công ty.

Biểu đồ: Doanh thu thuần – Lợi nhuận gộp

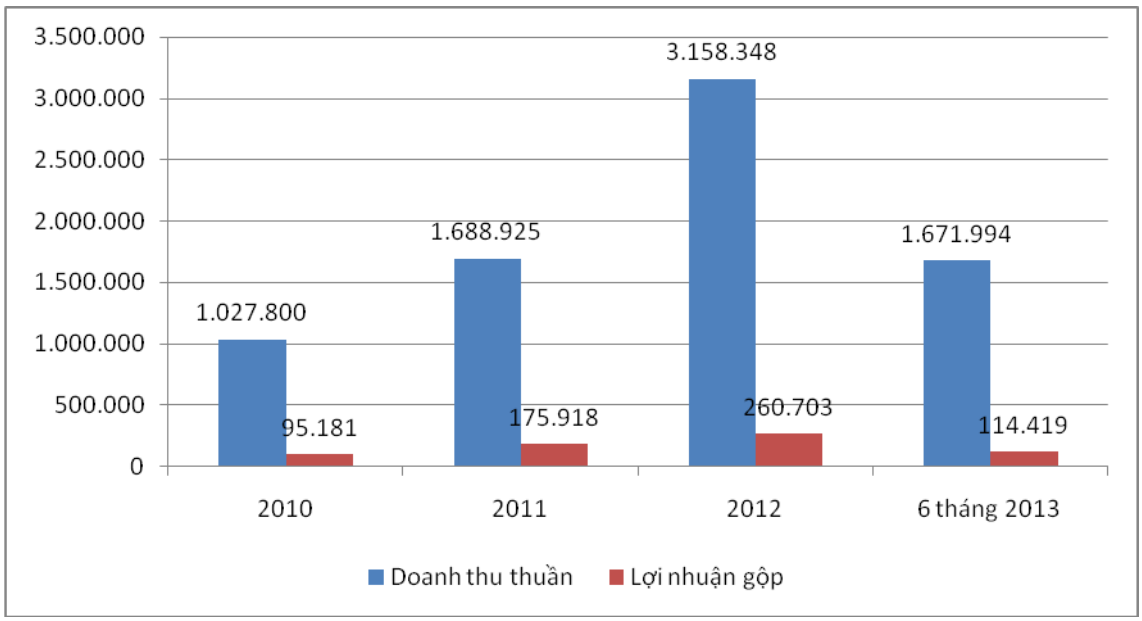

Đơn vị tính: Triệu đồng

9.1.2. Nguồn cung cấp hàng hóa đầu vào

– ***Nguồn cung cấp nguyên vật liệu***: Hoạt động trong lĩnh vực công trình giao thông nên nguyên vật liệu chủ yếu của Tổng Công ty là: Nhựa đường, cát, đá, xi măng sỏi,... chủ yếu là nhựa đường. Nguồn cung cấp vật liệu còn nhiều khó khăn đặc biệt là đá các loại phải vận chuyển xa, ảnh hưởng đến giá thành xây dựng làm giảm lợi nhuận.

- ***Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu***: Trong những năm qua do xu thế của nền kinh tế đất nước chịu ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu biến động liên tục giá điện, xăng dầu hàng hóa dịch vụ tăng cao. Tuy nhiên Tổng Công ty đã có mối quan hệ lâu dài và tin cậy với các đơn vị cung cấp nên luôn chủ động được nguồn nguyên liệu cho các công trình của Tổng Công ty, đảm bảo được tiến độ theo Hợp đồng ký kết.
- ***Ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận:*** Là một Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình giao thông nên tỷ trọng chí phí nguyên vật liệu trong giá vốn là rất lớn (khoảng 90%), vì vậy, sự biến động về giá cả nguyên vật liệu đầu vào là nhân tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Tổng Công ty. Để hạn chế các rủi ro do biến động giá cả ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, Tổng Công ty thường xuyên thu thập thông tin, thống kê dự báo và nhận định tình hình thị trường của các loại nguyên vật liệu.
- ***Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty***: Các nhà cung cấp nguyên liệu chính của Tổng Công ty là:

STT	Tên nhà cung cấp	Mặt hàng cung cấp
1	Công ty cổ phần giải pháp công nghệ	Thép
2	Công ty cổ phần kim khí Miền Trung	Thép
3	Công ty TNHH Ngôi Sao Lam Sơn	Xi măng
4	Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh vật tư CNT	Xi măng, thép
5	Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Miền Trung	Xi măng
6	Cong ty cổ phần TM TV&XD Vĩnh Hưng	Cáp, gối, neo
7	Công ty TNH cung ứng nhựa đường ADCo	Nhựa đường
8	Công ty cổ phần thương mại và tư vấn Tân Cơ	Cáp, gối, neo
9	Công ty TNHH nhựa đường PETROLIMEX	Nhựa đường
10	TianJin Metallurgy Group Flourish Stell Industrial Co.Ltd (Thiên Tân, Trung Quốc)	Cáp dự ứng lực

Nguồn: CIENCO4

9.1.3. Chi phí sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty

TT	Chi phí	Năm 2010		Năm 2011	
		Giá trị (Triệu đồng)	%/DTT (%)	Giá trị (Triệu đồng)	%/DTT (%)
1	Giá vốn	932.619	90,74	1.513.007	89,58
2	Chi phí tài chính	74.984	7,30	130.010	7,70
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-
4	Chi phí QLDN	60.990	5,93	75.366	4,46
Tổng		**1.068.593**	**103,97**	**1.718.383**	**101,74**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011

TT	Chi phí	Năm 2012		6 tháng 2013	
		Giá trị (Triệu đồng)	%/DTT (%)	Giá trị (Triệu đồng)	%/DTT (%)
1	Giá vốn	2.897.646	91,75	1.557.574	93,16
2	Chi phí tài chính	134.774	4,27	52.930	3,17
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-
4	Chi phí QLDN	121.084	3,83	75.457	4,51
5	Chi phí khác	12.732	0,40	180.988	10,82
Tổng		**3.153.504**	**99,85**	**1.685.961**	**100,84**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2012, 6 tháng 2013

Giá vốn là chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí hoạt động của Tổng Công ty cũng như là trong tỷ trọng so với Doanh thu thuần. Trong các năm gần đây, Công ty đang lỗ lực trong việc kiểm soát chi phí giá vốn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Tỷ lệ Giá vốn/Doanh thu thuần năm 2010, 2011, 2012 tương ứng là 90,74%, 89,58%, 91,75%.

Chi phí hoạt động của Tổng Công ty

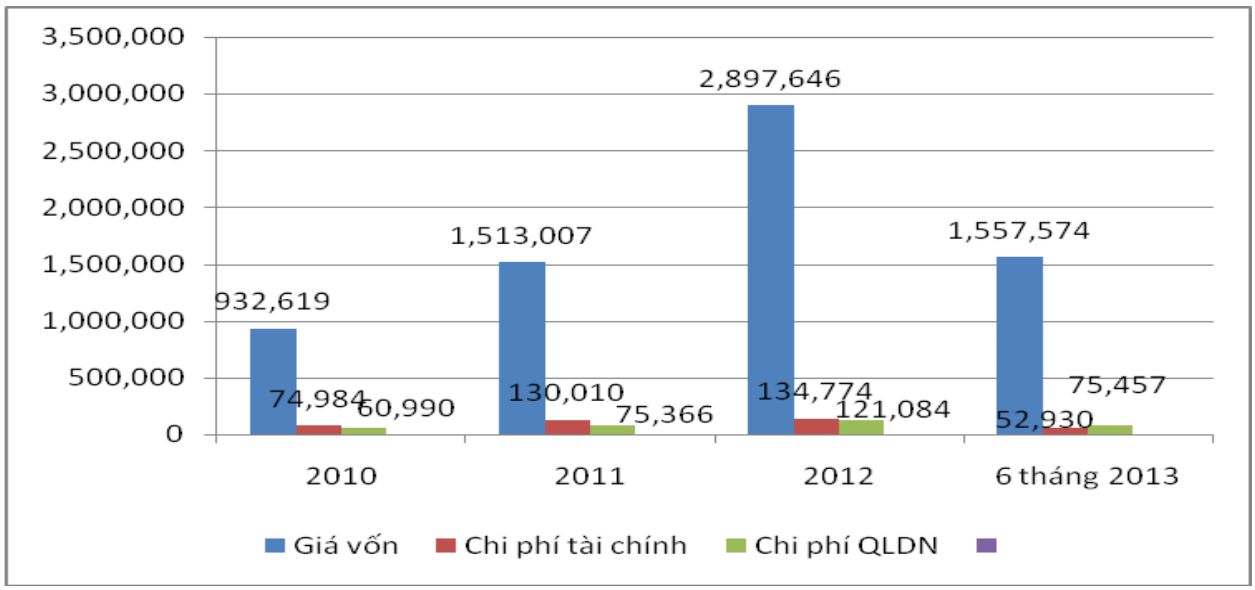

Đơn vị tính: Triệu đồng

9.1.4. Trình độ công nghệ

Từ những yêu cầu về nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, CIENCO4 đã tập trung đổi mới phương thức quản lý, nhanh chóng ứng dụng công nghệ và kỹ thuật xây dựng tiên tiến hiện đại. Hiệu quả của công tác đầu tư thiết bị công nghệ đã thúc đẩy tăng năng suất lao động của Tổng công ty; năng lực thi công được nâng lên với trình độ của khu vực, đảm bảo thi công đúng tiến độ, chất lượng, mỹ thuật các dự án có yêu cầu kỹ thuật phức tạp, có giá trị lớn.

Ngoài ra, Tổng công ty cũng tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp, kết nối hệ thống mạng nội bộ để tăng cường công tác quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh nhanh nhạy, đầu tư phần mềm thiết kế để đảm bảo thiết kế các dự án yêu cầu kỹ thuật cao, có áp dụng công nghệ mới; đầu tư đồng bộ các phần mềm quản lý như: Quản lý xe máy, quản lý nhân sự, kế toán, quản lý dự án v.v;

Công ty hiện có các thiết bị, phương tiện thi công chính là:

STT	Tên máy	Nước sản xuất	Đơn vị	Số lượng
1	Máy khoan cọc nhồi gầu xoay đường kính 1-2m, chiều sâu khoan 60-80m	G7[1]	Bộ	22
2	Máy khoan cọc nhồi cột buồm Bauer, đường kính 1-1,7m (khoan đá)	Đức	Bộ	1
3	Thiết bị khoan nhồi RCD tuần hoàn nghịch, đường kính 1,5-2m (khoan đá)	Việt Nam	Bộ	2

[1] Các máy móc này được sản xuất bởi 07 nước có công nghệ tiên tiến nhất thế giới. Bao gồm: Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật, Hoa Kỳ.

STT	Tên máy	Nước sản xuất	Đơn vị	Số lượng
4	Thiết bị khoan đập cáp đường kính 1-1,5m	Trung Quốc	Bộ	13
5	Cần cẩu thuỷ lực bánh lốp, sức nâng 16-30T	G7	Máy	48
6	Cần cẩu thuỷ lực bánh xích, sức nâng 30-55T	G7	Máy	21
7	Cần cẩu thuỷ lực bánh xích, sức nâng 60-80T	G7	Máy	5
8	Máy bơm bê tông tĩnh 45-95m^3/h	Đức	Máy	20
9	Xe bơm bê tông di động 160m^3/h, cần 37m	Đức	Máy	1
10	Trạm trộn bê tông 45-90m^3/h	Việt Nam	Trạm	29
11	Giá long môn đúc và lao dầm, sức nâng 80T	Việt Nam	Thiết bị	24
12	Xe chở dầm bê tông Super- T 80T	Hàn Quốc	Thiết bị	2
13	Cần cẩu tháp- Zoomlion (Trung Quốc), tải trọng 6T (tầm với 50m), chiều cao nâng: 110m.	Trung Quốc	Thiết bị	5
14	Xà lan, tải trọng 300T	Việt Nam	Cái	3
15	Xe đúc hẫng – khẩu độ 14,7m	Việt Nam	Bộ	11
16	Thiết bị đúc đẩy 21m	Việt Nam	Bộ	01
17	Máy ép cọc ván thép thuỷ lực 130T	Việt Nam	Máy	1
18	Máy ép cọc bê tông thuỷ lực 200T	Việt Nam	Máy	2
19	Máy đóng cọc cát tự hành	Nhật Bản	Máy	1
20	Trạm trộn bê tông nhựa công suất 80-120T/h	Hàn Quốc	Trạm	7
21	Máy rải bê tông nhựa 600-700T/h	Đức	Máy	8
22	Máy rải bê tông xi măng – SP 500	Đức	Máy	1
23	Xe ô tô chở trộn bê tông xi măng 7-9m^3	Hàn Quốc	Xe	49
24	Xe ô tô ben 13-15T	Hàn Quốc	Xe	45
25	Xe cẩu bán tải 7-10T	Hàn Quốc	Xe	15
26	Xe tưới nước 9m^3	Trung Quốc	Xe	5
27	Đầu kéo + rơ moóc	Hàn Quốc	Xe	11
28	Lu rung 14/27T	G7	Máy	41
29	Lu tĩnh bánh sắt 8-10T	G7	Máy	40

STT	Tên máy	Nước sản xuất	Đơn vị	Số lượng
30	Lu bánh bánh lốp	G7	Máy	13
31	Máy phát điện 45-250KVA	Nhật Bản	Máy	32
32	Máy san, lưỡi san 3,1-3,7m	G7	Máy	13
33	Máy ủi 110-170CV	G7	Máy	27
34	Máy nén khí 5-10m^3/ph	Nhật Bản	Máy	31
35	Máy xúc đào bánh lốp gàu 0,4-0,6m^3	G7	Máy	17
36	Máy xúc đào bánh xích gàu 0,8-1m^3	G7	Máy	20
37	Máy xúc lật bánh lốp gàu 1,2-2,0m^3	G7	Máy	17
38	Xe ô tô con điều hành sản xuất	G7	Xe	55
39	Trạm Thu phí	Việt Nam	Trạm	02

Nguồn: CIENCO4

9.1.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Nhận biết được tầm quan trọng của chất lượng công trình với hình ảnh và uy tín của một doanh nghiệp, Tổng Công ty luôn chú trọng tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước, Bộ GTVT về công tác quản lý đảm bảo chất lượng công trình. Tổng Công ty xây dựng, ban hành hệ thống quản lý chất lượng nội bộ, áp đứng được yêu cầu quản lý chất lượng của các dự án xây dựng Tổng Công ty tham gia thi công.

Tổng Công ty đã áp dụng cách thức kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm dịch vụ của Tổng Công ty như sau:

- Tất cả các nguyên vật liệu đầu vào đều được kiểm tra chất lượng một cách kỹ lưỡng và chặt chẽ, các vật liệu đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng mới được đưa vào sử dụng cho công trình. Để kiểm soát chất lượng đầu vào, vật liệu phải được cung cấp bởi các đơn vị và các nhà sản xuất có uy tín, vật liệu sử dụng phải có đầy đủ chứng chỉ chất lượng theo quy định pháp luật.
- Cử cán bộ thường xuyên theo dõi giám sát công trình, có trách nhiệm trong việc quản lý chất lượng. Hướng dẫn, phổ biến, giám sát các đơn vị chấp hành đúng quy trình, quy phạm hoặc quy định kỹ thuật đối với mỗi công trình đơn vị đảm nhiệm.
- Công tác quản lý chất lượng phải được báo cáo Lãnh đạo Tổng Công ty thông qua các hội nghị giao ban hoặc bằng văn bản nhanh chóng, kịp thời, chính xác.
- Phối hợp với đơn vị thi công đề xuất những giải pháp kỹ thuật với Tư vấn hoặc Chủ đầu tư trong trường hợp thi công có những vấn đề liên quan đến chất lượng hoặc giải pháp thi công.

Công tác quản lý chất lượng của từng công trình phải được tập hợp và lưu trữ theo chế độ qui định của Nhà nước để phục vụ cho công tác lập hồ sơ hoàn công

9.1.6. Hoạt động Marketing

Tổng Công ty hiện nay chưa có hoạt động Marketing một cách chuyên sâu mà chủ yếu vẫn dựa vào kinh nghiệm hoạt động lâu năm trên thị trường xây dựng công trình giao thông và nhận định sự phát triển của thị trường xây dựng công trình giao thông trong tương lai. Hiện nay Tổng Công ty chú trọng đến việc khai thác nguồn dự án từ:

(i) Dự án có nguồn vốn viện trợ chính thức ODA,

(ii) Các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách và trái phiếu Chính phủ

(iii) Đầu tư các dự án BOT,

(iv) Dự án do Ủy ban nhân dân các tỉnh làm chủ đầu tư.

Với uy tín và thương hiệu của CIENCO4, Tổng công ty đã trúng thầu nhiều dự án lớn như:

(i) Dự án xây dựng cầu Hòa Phước và Cổ Cò thuộc Thành phố Đà Nẵng,

(ii) Gói 1, gói 5 Dự án xây dựng đường nối sân bay Nội Bài – Cầu Nhật Tân, Hà Nội;

Cùng một số dự án trọng điểm Quốc gia như: Dự án xây dựng cầu Giá Rai, Dự án cầu Dần Xây thuộc tỉnh Bạc Liêu, Dự án Đảm bảo ATGT trên Quốc lộ 5, Dự án xây dựng đường lăn sân bay cảng hàng không quốc tế Nội Bài và cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng,....

Đồng thời Tổng công ty cũng đã chủ động đầu tư xây dựng mở rộng, nâng cấp đường Quốc lộ 1A theo hình thức BOT như đoạn Nam cầu Bến Thủy đến Bắc thành phố Hà Tĩnh với số vốn đầu tư gần 2.500 tỷ đồng, đoạn Nghi Sơn - Cầu Giát liên doanh với Tổng công ty 319 - Bộ Quốc phòng với số vốn đầu tư gần 3.600 tỷ đồng

Dự kiến sau cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc quảng bá thương hiệu, phục vụ cho công tác đấu thầu của Tổng Công ty được hiệu quả hơn.

9.1.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại Công ty không có nhãn nhiệu thương mại đã được đăng ký.

9.1.8. Các hợp đồng lớn đang thực hiện

TT	Đối tác HĐ	Số hợp đồng	Công trình	Giá trị HĐ (Tr. đồng)	Thời gian thực hiện
1	PMU85	NT3-S2-001 ngày 10/5/2009	Dự án xây dựng cầu Nhật Tân, gói thầu 3	655.972	4/2009-12/2013

TT	Đối tác HĐ	Số hợp đồng	Công trình	Giá trị HĐ (Tr. đồng)	Thời gian thực hiện
2	PMU85	01-CW/NBNT/2010	Dự án xây dựng cầu Nhật Tân, gói thầu 1	735.344	08/1/2011-12/2013
3	PMU85	05-CW/NBNT/2012	Dự án xây dựng đường nối từ sân bay Nội bài đến cầu Nhật Tân - gói thầu 5	1.592.137	01/11/2012-30/10/2014
4	Liên danh Cienco4 - TCT 319	2299/HĐ.BOT-BGTVT	Dự án mở rộng QL1A đoạn Nghi Sơn - Cầu Giát	3.463.964	01/03/2013-08/2015
5	CIENCO4	Phụ lục HĐ 2 của HĐ số 2177/GTVT-KHĐT	Dự án mở rộng quốc lộ 1A Nam cầu Bến Thủy II	2.434.000	9/2012-30/4/2014
6	VEC	28/HĐXD-VEC/2013	Gói thầu số 3A xây dựng cầu Kỳ Lam	1.416.238	19/5/2013-3/2016
7	VEC	04/HĐXD-VEC/2013	Dự án xây dựng đường cao tốc Bắc Nam đoạn Tp HCM - Dầu Giây - gói thầu 9	2.433.594	4/2/2013-4/2/2015
8	Ban QLDA GT 1 Thanh Hóa	22/2013/HDXD ngày 01/12/2013	Cầu Nguyệt Viên và Sông Tào –QL1A	700.000	11/2013-3/2015
9	Ban QL và ĐH dự án XDGT Hà Tĩnh	57/2013/HĐKT ngày 25/7/2013	Dự án mở rộng QL1A đoạn thành phố Hà Tĩnh- Vũng Áng (Goi 10-XL)	445.983	8/2013-3/2015
10	Ban QL và ĐH dự án XDGT Hà Tĩnh	47/2013/HĐKT ngày 25/7/2013	Dự án mở rộng QL1A đoạn thành phố Hà Tĩnh- Vũng Áng(Goi 11-XL)	259.167	7/2013-3/2015
11	Ban Quản lý dự án 85	27/2013/HĐKT-QL1A ngày 7/10/2013	Dự án mở rộng QL1A đoạn qua Thị trấn cầu Giát (gói 3.1)	223.000	15/11/2013-3/2015
12	Ban QLDA 1	15/THDC/2011/HĐKT ngày 25/11/2011	Gói 15 Quốc Lộ 1	206.321	5/2013-01/2015
13	Ban QLDA cơ sở hạ tầng ưu tiên TP Đà Nẵng	C57/2012/HD-PIIP	Cầu Hòa Phước – Cổ Cò	590.121	18/6/2012-30/4/2014
14	Thầu phụ KeangNam	NBLC-ICB A4-CIENCO4	Gói A4 Cao tốc Hà Nội – Lào Cai	251.307	3/2013-30/6/2014
15	Ban QLDA phát triển đô	08/2013/HĐKT-PMU Phủ Lý	Gói PL01 Phủ Lý – Hà Nam	199.472	10/2013-9/2016

TT	Đối tác HĐ	Số hợp đồng	Công trình	Giá trị HĐ (Tr. đồng)	Thời gian thực hiện
	thị Phủ Lý				

Nguồn: CIENCO4

9.2. *Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa*

❖ ***Công nợ phải thu***

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/10	31/12/11	31/12/12	30/06/13
Phải thu từ khách hàng	104.620	145.823	455.027	693.106
Trả trước cho người bán	157.806	207.724	193.660	227.061
Phải thu nội bộ	-	246	-	-
Phải thu khác	111.033	208.769	148.720	307.690
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.931)	(715)	(434)	-
Tổng cộng	**367.528**	**561.847**	**796.973**	**1.227.857**

Nguồn: BCTC kiểm toán tnăm 2010, năm 2011, năm 2012, 6 tháng 2013

❖ ***Công nợ phải trả***

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/10	31/12/11	31/12/12	30/06/13
Nợ ngắn hạn	**660.462**	**922.969**	**1.216.563**	**1.894.148**
Vay và nợ ngắn hạn	256.955	402.795	465.423	695.767
Phải trả cho người bán	193.214	196.311	220.035	318.286
Người mua trả tiền trước	161.704	278.756	409.998	729.246
Các khoản thuế phải nộp	4.044	2.368	34.781	43.742
Phải trả công nhân viên	19.787	26.650	58.814	43.858
Chi phí phải trả	4.148	3.472	910	31.769

Chỉ tiêu	31/12/10	31/12/11	31/12/12	30/06/13
Phải trả nội bộ	2.437	246	-	-
Phải trả khác	8.748	8.981	10.204	11.091
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.820	3.390	16.398	20.389
Dự phòng phải trả ngắn hạn	6.605	-	-	-
Nợ dài hạn	**525.222**	**687.083**	**732.323**	**828.538**
Phải trả dài hạn người bán	139.196	337.502	465.074	255.987
Phải trả dài hạn nội bộ	-	-	-	-
Phải trả dài dạn khác	-	286	266	16
Vay và nợ dài hạn	351.481	319.725	262.942	572.490
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.381	1.909	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	33.124	27.620	3.975	-
Doanh thu chưa thực hiện	40	41	66	45
Tổng cộng	**1.185.684**	**1.610.053**	**1.948.886**	**2.722.686**

Nguồn: BCTC kiểm toán tnăm 2010, năm 2011, năm 2012, 6 tháng 2013

Về các khoản Vay và nợ Ngắn hạn, hiện nay Tổng Công ty đang thực hiện vay của các Ngân hàng: Ngân hàng ĐT&PT Nghệ An, Ngân hàng Ngoại thương Vinh, Ngân hàng Quốc tế Vinh, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Nghệ An. Tổng Công ty không có nợ quá hạn.

Về các khoản Vay và nợ dài hạn, Tổng Công ty đang thực hiện vay của: Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam, chi nhánh Nghệ An; Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam , chi nhánh Lâm Đồng; Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, chi nhánh Vinh. Hàng năm, Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng phải trả dài hạn theo đúng quy định.

❖ ***Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh***

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	6 tháng 2013
1. Tổng tài sản	Tr.Đồng	1.363.851	1.799.955	2.242.858	3.056.461
2. Vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán	Tr.Đồng	158.000	166.599	233.594	223.620
3. Nợ vay ngắn hạn	Tr.Đồng	256.955	402.795	465.423	695.767

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	6 tháng 2013
Trong đó : Nợ quá hạn	Tr.Đồng	-	-	-	-
4. Nợ vay dài hạn	Tr.Đồng	351.481	319.725	262.942	572.490
Trong đó : Nợ quá hạn	Tr.Đồng	-	-	-	-
5. Nợ phải thu khó đòi	Tr.Đồng	(5.931)	(715)	(434)	-
6. Tổng số lao động	Người	1.150	1.224	1.257	1.440
7. Tổng quỹ lương	Tr.Đồng	97.124	114.478	123.010	77.328
8. Thu nhập bình quân 1 người/ tháng	Đồng	7.038.000	7.794.000	8.155.000	8.950.000
9. Tổng doanh thu	Tr.Đồng	1.087.805	1.740.694	3.268.489	1.932.920
10. Tổng chi phí	Tr.Đồng	1.071.599	1.721.577	3.166.236	1.866.949
11. Lợi nhuận trước thuế	Tr.Đồng	16.207	19.118	102.253	65.970
12. Lợi nhuận sau thuê	Tr.Đồng	16.058	17.424	80.172	52.654
13.Tỷ suất LNST/vốn nhà nước	%	10,16	10,45	34,32	23,54

Nguồn: BCTC kiểm toán tnăm 2010, năm 2011, năm 2012, 6 tháng 2013

❖ ***Các chỉ tiêu tài chính năm 2010 – 2012***

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)				s
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,01	1,08	1,08
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,72	0,70	0,87
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Nợ/Tổng tài sản	%	86,94	89,45	88,89
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	665,49	847,83	662,95
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay các khoản phải thu	Lần	2,75	3,63	4,50
Vòng quay các khoản phải trả	Lần	3,82	3,86	4,63
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,96	5,99	9,87

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,56	1,03	2,53
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	9,01	9,18	27,27
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,18	0,97	3,57
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	(0,11)	1,00	1,52

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, năm 2011, năm 2012

- *Khả năng thanh toán:* Các hệ số về khả năng thanh toán của CIENCO 4 năm 2012 đều tăng so với năm 2011 và đạt mức cao nhất trong 4 năm trở lại đây. Với tỷ số thanh toán hiện thời là 1,08 lần, CIENCO 4 hoàn toàn có thể đảm bảo tình trạng thanh khoản tốt, thanh toán được các khoản nợ ngắn hạn.
- *Cơ cấu vốn:* Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu rất cao nhưng trong đó chỉ 33,37% là nợ vay phải trả lãi còn lại là các khoản phải trả cho nhà cung cấp và người mua trả tiền trước. Chỉ số này cho thấy Tổng Công ty tận dụng được nguồn vốn của các đối tác và giảm bớt được sự phụ thuộc vào nợ vay ngân hàng. Chi phí vốn vay của CIENCO 4 chỉ vào khoảng 10%, đồng thời Tổng Công ty có lượng tiền mặt ổn định, duy trì ở mức 9 – 12% tổng nợ vay phải trả lãi, đặc biệt tại 31/12/2012, tiền mặt tồn quỹ của Tổng Công ty tương đương 21,82% tổng nợ vay phải trả lãi, do đó, CIENCO 4 rất chủ động trong việc thanh toán các khoản nợ.
- *Năng lực hoạt động:* CIENCO 4 có vòng quay phải trả chậm hơn so với vòng quay các khoản phải thu . Mối quan hệ của Tổng Công ty với các nhà cung cấp khá tốt . Bên cạnh các khoản nợ vay, tiền ứng trước từ khách hàng và nợ phải trả nhà cung cấp lớn là nguồn vốn tài trợ quan trọng cho hoạt động của CIENCO 4. Ngoài ra, Tổng Công ty có thể linh hoạt trong việc xử lý các khoản phải trả do nhiều đơn vị thầu là đơn vị thành viên của CIENCO 4.
- *Khả năng sinh lời:* Cơn bão khủng hoảng tài chính khiến hoạt động của hầu hết doanh nghiệp xây lắp đình trệ, kéo theo sự sụt giảm của hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên, chỉ số ROA và ROE của CIENCO 4 đều tăng vọt năm 2012, cho thấy hiệu quả cao việc sử dụng tài sản và nguồn vốn tạo ra lợi nhuận.

9.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ ***Thuận lợi:***

- Là một trong những Tổng công ty lớn của Bộ Giao thông vận tải, Tổng Công ty luôn được lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan tham mưu của Bộ thường xuyên quan tâm, giúp đỡ và chỉ đạo trong quá trình xây dựng và phát triển của Tổng công ty.

- Tổng công ty đã xây dựng đồng bộ hệ thống chế độ, chính sách ưu đãi, tạo điều kiện phát huy được chất xám của đội ngũ tri thức trong Tổng Công ty. Lực lượng cán bộ, kỹ sư của Tổng Công ty có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, làm việc chuyên nghiệp và luôn nhiệt tình, có trách nhiệm trong công tác.

- Tổng công ty hiện đang sở hữu các dây chuyền công nghệ thi công tiên tiến, đảm bảo thi công được các dự án lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: cầu dây văng, cầu đúc hẫng cân bằng, hầm đường bộ, cầu trên biển, đường cao tốc v.v; và đã có năng lực, kinh nghiệm trong đầu tư, quản lý, khai thác các dự án theo hình thức hợp đồng BOT, BOO.

❖ ***Khó khăn:***

- Trong những năm 2011, 2012 nhà nước thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về kiềm chế lạm phát nên một số công trình đơn vị trúng thầu nhưng không được bố trí vốn ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và việc làm của CBCNV-LĐ toàn công ty.

- Khó khăn chung của nền kinh tế đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bên cạnh đó, lãi suất cho vay cao, điều kiện cho vay khó khăn hơn nên khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay của công ty bị hạn chế, ảnh hưởng tới nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công nợ phải thu cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Công nợ phải thu ở các công trình xây dựng đang tồn đọng tại chủ đầu tư, quy trình thủ tục thu hồi công nợ kéo dài, thêm vào đó ảnh hưởng của trượt giá, lãi vay ngân hàng đã làm cho nhiều công trình có lãi chuyển sang lỗ.

- Một số công trình giải phóng mặt bằng chậm, ảnh hưởng đến tiến độ vì vậy hiệu quả kinh tế thấp.

10. *Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành*

10.1. Vị thế của Tổng Công ty trong ngành

Sau hơn 50 năm phát triển, tính đến hết năm 2012, Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 4 được xếp là doanh nghiệp lớn thứ 13 trong lĩnh vực xây dựng[2], đồng thời giữ

[2] Cụ thể: Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng, hoạt động xây dựng chuyên dụng

vị trí 221 trong danh sách 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam[3]. Vị thế của một Tổng Công ty lớn trong ngành của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 được thể hiện qua các yếu tố:

- *Hiệu quả hoạt động*: Trong điều kiện kinh tế vĩ mô còn nhiều bất ổn, tăng trưởng chậm, nhu cầu bị thu hẹp, nhiều doanh nghiệp có kết quả kinh doanh không tốt, chỉ số sinh lời toàn ngành ở mức thấp, kết quả kinh doanh mà CIENCO4 đạt được là rất khả quan trong tương quan so sánh chung. Năm 2012, tổng doanh thu của Tổng công ty đạt 3.268 tỷ đồng, tăng 87,77% so với mức 1.741 tỷ đồng năm 2011, lợi nhuận sau thuế đạt 80,17 tỷ đồng tăng 360,74% so với mức 17,4 tỷ đồng năm 2011.

- *Uy tín*: CIENCO4 là thương hiệu có bề dày tên tuổi, đạt được tín nhiệm của đông đảo khách hàng. Đối tác của CIENCO4 là những khách hàng có yêu cầu khắt khe về chất lượng mỹ thuật, tốc độ thi công, mức độ an toàn như Bộ Giao thông vận tải, Sở Giao thông Vận tải Nghệ An, Sở Giao thông Vận tải Đà Nẵng, UBND thành phố Phủ Lý, PMU Thăng Long, Ban Quản lý đường Hồ Chí Minh, Ban Quản lý dự án An toàn Giao thông ...

  Uy tín và thương hiệu đã đem lại cho CIENCO4 ưu thế trong công tác đấu thầu các công trình xây dựng lớn. Các dự án mà CIENCO4 đã và đang thực hiện triển khai không chỉ ở khu vực miền Trung mà bao gồm cả các dự án ở miền Bắc (dự án xây dựng cầu Nhật Tân, đường cao tốc Nội Bài – Nhật Tân, Cầu Giẽ - Ninh Bình, ...) hay miền Nam (dự án Long Thành – Dầu Giây), Đà Nẵng (cầu Nguyễn Tri Phương),...

- *Năng lực công nghệ*: CIENCO4 là một trong những đơn vị đi đầu trong lĩnh vực công nghệ. Tổng Công ty sở hữu và áp dụng nhiều công nghệ tiên tiến về xây dựng như công nghệ đúc đẩy, công nghệ thi công cầu dây văng, công nghệ đà giáo đẩy, công nghệ khoan cọc nhồi, công nghệ thi công mặt đường bê tông Asphalt theo tiêu chuẩn Ashto. Bên cạnh những công nghệ tiên tiến, CIENCO4 còn liên tục mua mới và sử dụng những thiết bị thi công tiêu chuẩn quốc tế như thiết bị thi công nhồi cột buồm gầu xoay (Đức), xe bơm bê tông Pultmeizster (Đức), cần cẩu bánh xích Hitachi KH300- 3 (Nhật Bản),....

- *Về thành tích*: Nhờ những đóng góp của mình qua việc xây dựng thành công những công trình giao thông trọng điểm, CIENCO4 đã được Nhà nước phong tặng những danh hiệu cao quý như Danh hiệu Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương lao động Hạng Nhì, Huân chương lao động Hạng Ba, Huân chương lao động Hạng Nhất,....

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

[3] VNR500 năm 2012

Ngày 03/3/2009 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 35/QĐ/QĐ-TTg về chiến lược phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó định hướng phát triển giao thông vận tải trong nước được xác định như sau:

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông một cách đồng bộ, hợp lý; kết hợp phát triển từng bước vững chắc với những bước đột phá đi thẳng vào hiện đại tạo nên mạng lưới hoàn chỉnh, liên hoàn, liên kết giữa các phương thức vận tải, giữa các vùng lãnh thổ, giữa đô thị và nông thông trên phạm vi toàn quốc, đồng thời coi trọng công tác bảo trì, đảm bảo khai thác hiệu quả, bền vững kết cấu hạ tầng giao thông hiện có.
- Kết hợp đầu tư mới với cải tạo, nâng cấp, đầu tư theo chiều sâu phát huy hiệu quả của các cơ sở công nghiệp với giao thông vận tải hiện có,
- Phát triển hệ thống giao thông vận tải đối ngoại gắn kết chặt chẽ với hệ thống giao thông vận tải trong nước để chủ động hợp tác, hội nhập khu vực và quốc tế;
- Phát triển mạnh giao thông vận tải địa phương, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp – nông thôn, gắn kết được mạng gtao thông vận tải địa phương với mạng giao thông vận tải quốc gia, tạo sự liên hoàn, thông suốt và chi phí vận tải hợp lý, phù hợp với đa số người dân.
- Xã hội hóa việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Huy động tối đa mọi nguồn lực, coi trọng nguồn lực trong nước để đầu tư phát triển giao thông vận tải.

Để thực hiện các định hướng trên, Chính phủ cũng đưa ra các giải pháp, chính sách hỗ trợ thực hiện, tiêu biểu trong đó là:

- Tăng mức đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông bằng ngân sách nhà nước hàng năm đạt 3,5-4,5%GDP
- Huy động tối đa mọi nguồn lực, chú trọng nguồn nội lực, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế dưới nhiều hình thức vào xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông...
- Khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp công nghiệp giao thông vận tải mở rộng liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để huy động vốn, chuyển giao công nghệ, trao đổi kinh nghiệm quản lý....
- Thành lập các công ty thuê mua tài chính có sự bảo lãnh của Nhà nước để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các nguồn tài chính, công nghệ, phương tiện kỹ thuật mới.

Với quan điểm của Chính phủ coi giao thông vận tải là bộ phận quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, cần ưu tiên đầu tư phát triển đi trước một bước với tốc độ nhanh, bền vững nhằm tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước đã mở ra triển vọng phát triển

trong tương lai của ngành, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong ngành có nhiều cơ hội kinh doanh, tiếp cận với vốn, khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý mới.

10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới thể hiện bằng việc Tổng Công ty quyết tâm chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình mới là công ty cổ phần. Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay với nền kinh tế thị trường, mô hình doanh nghiệp Nhà nước hoạt động hiện không còn hiệu quả, tính linh hoạt và khả năng cạnh tranh bị hạn chế. Mô hình công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp thích hợp nhất mà các nước tiên tiến nói chung và Việt Nam nói riêng đang áp dụng và phát huy các mặt tích cực của nó trong nền kinh tế. Với mô hình công ty cổ phần, Tổng Công ty sẽ huy động được các nguồn lực trong xã hội cả về vốn lẫn nhân lực của mọi tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước. Các pháp nhân, cá nhân tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp giúp đổi mới và phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương; thay đổi phương thức quản lý doanh nghiệp, tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

VI. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HOÁ

1. Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh

- Tên Công ty : **Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP.**
- Tên tiếng anh : Civil Engineering Constructino Corporation N$_o$4- Joint Stock Company
- Tên viết tắt : **CIENCO4**
- Trụ sở chính : Tầng 10-11 Tòa nhà ICON4, số 243A Đường Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 043.6420371
- Fax : 043.6812175
- **Ngành nghề kinh doanh**

Số TT	Ngành nghề kinh doanh
1	Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước
2	Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thuỷ lợi, dân dụng

3	Xây dựng các công trình hạ tầng cấp thoát nước, san lấp nền, điện chiếu sáng
4	Gia công chế tạo dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí
5	Chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, xe máy
6	Khai thác vật liệu, khoáng sản: mỏ đá các loại, sỏi cát, quặng
7	Đầu tư các công trình hạ tầng giao thông, các công trình hạ tầng khác theo phương thức B.O.T hoặc B.T
8	Khảo sát, thiết kế công trình giao thông, dân dụng, điện, công nghiệp, thuỷ lợi - nông - lâm nghiệp và công trình hạ tầng
9	Tư vấn đầu tư và xây dựng công trình giao thông, dân dụng, điện, công nghiệp, thuỷ lợi và công trình hạ tầng
10	Thí nghiệm vật liệu xây dựng; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình giao thông và công trình thuộc ngành khác
11	Sản xuất và kinh doanh xi măng, vật liệu xây dựng, chế tạo máy- thiết bị
12	Xây dựng công trình điện, thông tin liên lạc
13	Sản xuất, kinh doanh cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm
14	Kinh doanh thương mại; xuất- nhập khẩu hàng hoá, vật tư, máy móc thiết bị
15	Đầu tư, kinh doanh bất động sản: khu công nghiệp, khu đô thị, nhà ở, văn phòng
16	Đạo tạo nghề ngắn hạn, hợp tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới
17	Cung ứng lao động trong nước, xuất khẩu lao động và chuyên gia
18	Vận tải hàng hoá, vật tư
19	Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết

2. Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp khi chuyển sang công ty cổ phần

Mô hình tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Các phòng ban chức năng, các chi nhánh trực thuộc;

Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban cụ thể như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Tổng Công ty quy định.
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Tổng Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Tổng Công ty thông qua Ban Điều hành.
- **Ban Kiểm soát:** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Tổng Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông tính chính xác, trung thực, hợp pháp về Báo cáo tài chính Tổng Công ty.
- **Ban Tổng Giám đốc:** Do Hội đồng quản trị quyết định và bổ nhiệm. Ban Tổng Giám đốc trực tiếp điều hành các hoạt động của Tổng Công ty trên cơ sở Điều lệ và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- **Các phòng chức năng:** Các phòng chức năng có chức năng, nhiệm vụ:
  - Tham mưu cho lãnh đạo công ty theo chức năng được Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty qui định.
  - Xây dựng, tổ chức thực hiện hệ thống quản lý chức năng.
  - Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các Chi nhánh trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
  - Tổ chức hoạt động kinh doanh các lĩnh vực được phân công.
- **Các công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết có vốn của Tổng Công ty.**
- **Các công ty tự nguyện liên kết gồm :** Công ty cổ phần 228, Công ty cổ phần 246, Công ty cổ phần 423, Công ty cổ phần 424 và Công ty cổ phần 475.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty sau khi cổ phần hóa

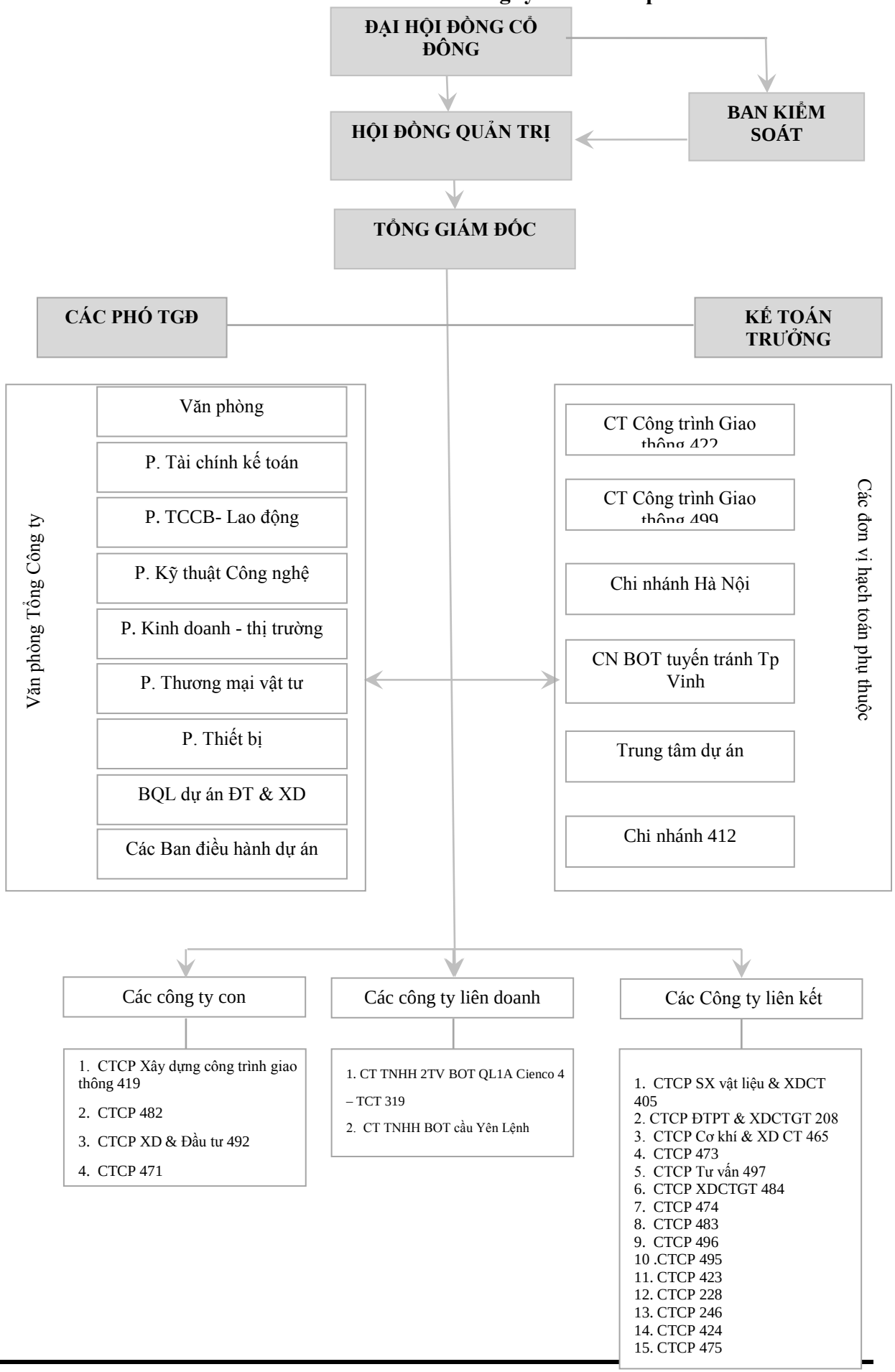

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi thực hiện cổ phần hoá

3.1 Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kề sau khi cổ phần hoá

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1. Vốn điều lệ	Triệu đồng	600	1.000	1.000
2. Tổng số lao động	Người	1.580	1.790	2.000
3. Tổng quỹ lương	Triệu đồng	170.640	214.800	264.000
4. Thu nhập bình quân	Nghìn/người/tháng	9.000	10.000	11.000
5. Tổng doanh thu	Triệu đồng	4.410.000	5.112.000	5.988.000
6. Tổng chi phí	Triệu đồng	4.302.000	4.927.000	5.793.000
7. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	108.000	185.000	195.000
8. Cổ tức	%	11	11,5	12

Nguồn: CIENCO4

3.2 Các giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2014-2016 đã đề ra, CIENCO 4 đưa ra 06 nhóm giải pháp gồm:

a. *Giải pháp về sản phẩm và thị trường:*

Trên cơ sở ngành nghề và thị trường truyền thống , cần nắm bắt cơ hội để mở rộng thị trường truyền thống, mở rộng địa bàn thi công sang các nước trong khu vực . Tranh thủ tối đa sự chỉ đạo, tạo điều kiện của Bộ Giao thông vận tải , các địa phương, tiếp cận kế hoạch phát triển của các khu vực kinh tế trọng điểm , mở rộng liên danh liên kết để tham gia các dự án có nguồn vốn trong nước, nước ngoài, hoặc các dự án BOT, BT…

- Mở rộng quan hệ với các Nhà thầu có uy tín trong nước và nước ngoài có uy tín để làm đối tác chiến lược lâu dài ở thị trường trong nước và thế giới.
- Các đơn vị thành viên cần chủ động trong công tác tìm kiếm việc làm, tăng cường cán bộ có năng lực, kinh nghiệm để đảm nhận công tác thị trường.
- Các đơn vị thành viên có quỹ đất có thể chuyển đổi mục đích sử dụng, cần tích cực xúc tiến dự án nhà chung cư, khu thương mại - dịch vụ tổng hợp. Trong quá trình triển khai dự án cần chọn đối tác có năng lực thật sự để thực hiện dự án thành công.

- Mở rộng thị trường nhập khẩu các thiết bị máy móc, vật tư từ nước ngoài cho nhiều lĩnh vực và nhiều khách hàng.
- Nghiên cứu và tìm kiếm các dự án đầu tư hiệu quả trước mắt và trong tương lai.

b. *Giải pháp về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ:*

Thực hiện chiến lược đổi mới công nghệ, nâng cấp, bổ sung thiết bị tự động hóa; ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp và nông nghiệp; tăng cường đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm. Tổng công ty xác định đây là lĩnh vực then chốt, có tính chất quyết định cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. Điều đó được cụ thể hóa trên các lĩnh vực chủ yếu sau:

- **Công nghệ thi công cầu - hầm:** Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện tất cả các dây chuyền công nghệ hiện có theo xu hướng hiện đại hóa và chuyên nghiệp hóa. Đảm bảo các sản phẩm làm ra đạt chất lượng tốt nhất, an toàn và có tính mỹ thuật cao, ngày càng thỏa mãn các yêu cầu của Khách hàng.

  Giai đoạn trước mắt là nghiên cứu cải tiến tất cả các biện pháp tổ chức thi công theo hướng chuyên nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tất cả hệ thống phụ trợ thi công từ đà giáo ván khuôn đến cầu công vụ... sẽ được tính toán thiết kế chi tiết đảm bảo vệ sinh công nghiệp và an toàn lao động cao nhất, nhằm đưa lại hiệu quả tốt nhất cho các dây chuyền công nghệ. Xây dưng hình ảnh công nghiệp, hiện đại trên các công trường mang thương hiệu CIENCO4.

  Đối với công nghệ mới: Công nghệ xây dựng cầu dây văng, cầu vòm thép nhồi bê tông, cầu vòm BTCT nhịp lớn, công nghệ xây dựng hầm qua núi, hầm ngầm Metro, công nghệ cọc ống thép trong thi công móng trụ cầu … sẽ được tập trung nghiên cứu, ứng dụng. Tiếp tục tổ chức các lớp học chuyên đề cho hệ thống kỹ sư về loại hình công nghệ này. Liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để tiếp cận công nghệ. Cắt cử cán bộ, công nhân tham gia chính thức vào các dự án của đối tác nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm thực tế, sẵn sàng chủ động về nhân lực, thiết bị và công nghệ khi có điều kiện áp dụng.

  Kế hoạch: trong năm 2014 sẽ chính thức ứng dụng công nghệ cọc ống thép để làm vòng vây thi công hố móng (liên doanh với Sumitomo Mishui); từ 2014 đến 2015 sẽ cử cán bộ kỹ sư và công nhân tham gia dự án cầu dây văng, có thể là trong vai trò thầu phụ quốc tế hoặc liên doanh liên kết. Từ 2015 đến 2016 sẽ tiếp cận công nghệ thi công hầm Metro trong vai trò là thầu phụ quốc tế.

  Để thực hiện kế hoạch này, hiện tại Ciecno4 đã bắt đầu nghiên cứu, thiết kế về mặt lý thuyết và tổng hợp thành các đề tài nghiên cứu công nghệ và ván khuôn thi công tháp dây văng, công nghệ và xe đúc hẫng dầm và lắp dây văng, công nghệ cọc ống thép,

thiết bị và công nghệ thi công hầm qua núi. Đối với công nghệ cầu vòm BTCT nhịp lớn cong không gian, đang được CIENCO4 áp dụng và sẽ hoàn thiện trong thời gian sớm tới đây tại công trình cầu Cổ Cò, Đà Nẵng.

- **Công nghệ thi công đường:**

Định hướng trong thời gian tới: tiếp tục đổi mới và hoàn thiện đồng bộ các thiết bị thi công; nhằm từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng các sản phẩm.

Đối với một số công nghệ mới, vật liệu mới trong thi công đường: sẽ tập trung nghiên cứu một số loại hình có khả năng ứng dụng cao và đem lại hiệu quả kinh tế, như: Cọc cát có vỏ bọc VĐKT, Cọc đất gia cố xi măng, Công nghệ Bấc thấm hút chân không; Công nghệ tái chế BTN trong công tác bảo trì đường bộ… Ngoài ra, đối với các vật liệu mới: BTN Polimer, các loại phụ gia tăng liên kết trong BTN, sẽ được nghiên cứu ứng dụng và phổ biến rộng rãi.

- **Ứng dụng vật liệu mới và một số hoạt động KHCN khác:**

Tiếp tục hợp tác toàn diện về Khoa học Công nghệ với các đơn vị nghiên cứu (Trường Đại học Giao thông vận tải , Viện Khoa học Công nghệ,..) để khai thác tiềm năng và kinh nghiệm của các chuyên gia trong lĩnh vực Giao thông vận tải.

Liên doanh, liên kết, hợp tác với các Tập đoàn lớn (Sumimoto, Tokyu, Shamwan, Posco, Keangnam, v.v) để bổ sung , hoàn thiện hệ thống Quản lý chất l ượng theo hướng tiên tiến, khoa học và hiệu quả; Đồng thời tăng sức cạnh tranh trong đấu thầu tìm kiếm việc làm và từng bước mở rộng thị trường ra nước ngoài.

Hợp tác với các đối tác khác để tổ chức các hội thảo Khoa học Công nghệ theo từng chuyên đề về công nghệ mới, vật liệu mới v.v để tổng kết và đúc rút kinh nghiệm.

Trong lĩnh vực thí nghiệm: Đã ký kết hợp tác với Trường Đại học Giao thông vận tải thành lập phòng thí nghiệm trọng điểm, có đủ năng lực và thiết bị để phục vụ thí nghiệm và nghiên cứu tất cả các loại hình cần thiết trong ngành xây dựng công trình giao thông. Đặc biệt giai đoạn tới đây sẽ nghiên cứu triệt để về vấn đề vệt hằn bánh xe trên mặt đường bê tông nhựa.

c. <u>Giải pháp về tài chính, vốn:</u>

Cơ cấu lại nguồn vốn, cân đối đủ nguồn vốn cho SXKD và đầu tư. Sử dụng vốn đúng mục đích, quản lý chặt chẽ tài sản, vật tư tiền vốn; thực hiện tiết giảm chi phí, bảo toàn và phát triển vốn.

d. <u>Giải pháp về quản trị doanh nghiệp</u>

- Hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả bộ máy của Công ty mẹ; Tiếp tục bổ sung, sửa đổi hệ thống quy chế quản lý cho phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty cổ phần, phù

hợp với mục tiêu phát triển của Tổng công ty và phù hợp với chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- Tăng cường thực hiện vai trò Công ty mẹ trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu. Đẩy mạnh thực hiện chức năng nghiên cứu chiến lược phát triển, đổi mới tổ chức, quản lý, công nghệ, thiết bị, đấu thầu tìm việc làm, phát triển thị trường, đào tạo.
- Tăng cường áp dụng những chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại có hiệu quả cao. Kiện toàn bộ máy quản lý, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp, đổi mới công nghệ trong cơ chế thị trường. Bố trí đội ngũ lãnh đạo, quản lý và đại diện phần vốn nhà nước tại đơn vị đủ phẩm chất, năng lực để đảm nhiệm được vai trò, nhiệm vụ.
- Tập trung đầu tư phát triển các công ty, đơn vị phụ thuộc để các công ty này trở thành đơn vị hàng đầu của Tổng công ty; Xây dựng một số công ty này mạnh về quy mô, tiềm lực, thiết bị, công nghệ, tài chính để nâng cao khả năng cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu của các dự án lớn, đòi hỏi cao về trình độ kỹ thuật, công nghệ và tính chuyên nghiệp cao.
- Hoàn thiện cơ chế liên kết giữa các doanh nghiệp thành viên trong Tổng công ty thông qua hợp đồng kinh tế, các nội quy, quy chế quản lý, hợp tác giữa công ty mẹ với các công ty con, công ty liên kết, giữa các công ty con, công ty liên kết với nhau, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu của các dự án lớn, đòi hỏi cao về trình độ kỹ thuật, công nghệ và tính chuyên nghiệp cao, hoạt động hiệu quả.
- Tăng cường thực hiện vai trò Công ty mẹ trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu; Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên theo quy định của pháp luật, kịp thời chấn chỉnh sai phạm, có giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Chú trọng kiểm soát rủi ro tài chính để kịp thời có biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro và điều chỉnh hoạt động của đơn vị kịp thời, phù hợp. Nắm bắt đầy đủ thông tin về hoạt động của các Công ty cổ phần để tham gia vào các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

e. <u>Giải pháp về đầu tư phát triển sản xuất</u>

- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực thiết bị công nghệ , đặc biệt là các công nghệ thi công cầu đường hiện đại ; đầu tư nâng cao trình độ chuyên môn , nghiệp vụ cho cán bộ và tay nghề cho công nhân kỹ thuật ; đầu tư nâng cao hiệu quả , chất lượng của công tác quản lý , quản trị doanh nghiệp.
- Tiếp tục có chính sách đ ể đầu tư vào các công ty thành viên sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có tiềm năng lợi thế lớn;
- Tiếp tục đầu tư các dự án CS hạ tầng giao thông có hiệu quả theo hình thức hợp đồng BOT.

f. *Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:*

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Tổng công ty là nhiệm vụ trọng tâm và cấp thiết để góp phần tăng năng suất lao động, đảm bảo chất lượng công trình và hiệu quả sản xuất kinh doanh; chương trình được xây dựng và triển khai một cách khoa học, có tính kế thừa lâu dài; đảm bảo mục tiêu phát triển của Tổng công ty vừa đảm bảo chủ động trong sản xuất kinh doanh, mở rộng ngành nghề, tiếp thu và làm chủ được công nghệ tiên tiến và yêu cầu hội nhập, hợp tác quốc tế; thực hiện hiệu quả chương trình nhằm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng chiến lược xây dựng Tổng công ty phát triển bền vững, trở thành một đơn vị mạnh của ngành Giao thông vận tải. Các giải pháp cụ thể như sau:

- Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ, công tác lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển Tổng công ty;
- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đầu ngành, đảm bảo đủ nhân lực chất lượng cao có khả năng về chuyên môn và ngoại ngữ để có thể đáp ứng được yêu cầu trong lĩnh vực xây dựng công trình cầu, đường và một số lĩnh vực khác; làm chủ được các công nghệ thi công các công trình cầu, đường tiên tiến. Bảo đảm đủ lực lượng công nhân kỹ thuật, có cơ cấu ngành nghề phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững của Tổng công ty;
- Kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo mới, đào tạo lại, tổ chức tuyển dụng theo yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Kết hợp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp với đào tạo trình độ chính trị, ngoại ngữ, tin học.... Đến năm 2015 có 100% cán bộ quản lý của các đơn vị thành viên và phòng ban Tổng công ty được đào tạo quản trị doanh nghiệp, pháp luật, tin học đáp ứng được yêu cầu công tác;
- Định kỳ tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ và tiếp thu công nghệ mới, trong đó chú trọng đến công tác học tập, nâng cao trình độ cho cán bộ, kỹ sư và công nhân kỹ thuật;
- Hoàn thiện cơ chế chính sách ưu đãi đối với người lao động; Thực hiện chính sách ưu tiên bổ nhiệm, sử dụng, đãi ngộ cán bộ giỏi, có năng lực để duy trì và phát triển được nguồn nhân lực hiện có và thu hút nhân lực từ bên ngoài;
- Không ngừng nâng cao thu nhập đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động: Coi tiền lương là đòn bẩy đảm bảo sản xuất phát triển, để duy trì đội ngũ lao động có trình độ kỹ thuật với ý thức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm tốt; đảm bảo phân phối tiền lương công bằng thỏa mãn với sự cống hiến của người lao động.

4. Chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

Sau khi tiến hành cổ phần hóa, định hướng phát triển kinh doanh của CIENCO4 vẫn là tập trung vào lĩnh vực xây dựng cầu, đường và các công trình giao thông làm mũi nhọn, phát triển Tổng Công ty một cách bền vững và tối đa hóa lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh. Tầm nhìn đến năm 20125 của CIENCO4 cụ thể như sau:

➢ ***Chiến lược về đầu tư:***

- Trở thành nhà đầu tư và quản lý cơ sở hạ tầng giao thông chuyên nghiệp, có năng lực quản lý nhiều dự án có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp;
- Đầu tư các gói thầu của dự án mở rộng Quốc lộ 1A theo hình thức BOT, BT;
- Nâng cao năng lực và lợi thế kinh doanh, hợp tác để lựa chọn các đối tác trong và ngoài nước để đầu tư vào các dự án giao thông theo mô hình mới như hình thức PPP;
- Phát huy hiệu quả các dự án đã đầu tư, tái cơ cấu danh mục đầu tư.

➢ ***Chiến lược về vốn:***

- Sau khi cổ phần hóa và thực hiện tăng vốn, vốn điều lệ của Tổng công ty là 1.000 tỷ đồng.
- Đến năm 2020, Tổng Công ty dự kiến vốn điều lệ là 1.500 tỷ đồng.

➢ ***Chiến lược về sản phẩm chính:***

- *Xây lắp công trình*: Tập trung nâng cao năng lực dây chuyền công nghệ để nâng cao hiệu quả thi công, tập trung các nguồn lực đầu tư công nghệ mới để đảm nhận thi công được các dự án lớn có kết cấu dây văng, hầm đường bộ, cầu vượt biển.
- *Đầu tư công trình*: Quản lý đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng giao thông theo mọi hình thức, đổi mới và nâng cao năng lực để quản lý hiệu quả các dự án có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, có yêu cầu về tiến độ; Quản lý, bảo trì và tổ chức thu phí các tuyến đường bộ được giao thu phí dự án.
- *Dịch vụ*: Nâng cao chất lượng tư vấn, kiểm định chất lượng công trình; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Khảo sát xây dựng công trình;
- *Sản phẩm vật tư kỹ thuật xây dựng nhập khẩu*: Mở rộng thị trường về nhập khẩu vật tư kỹ thuật và thiết bị trong nước chưa sản xuất được; trước mắt cung cấp cho thi công các công trình của Tổng công ty và phát triển mở rộng thị trường trong nước và khu vực.
- *Sản phẩm vật liệu xây dựng*: Xây dựng kế hoạch cung ứng theo hướng trực tiếp với các nhà sản xuất, phấn đấu để đến năm 2020 trở thành nhà phân phối sản phẩm sản xuất trong nước (như thép, xi măng, ...)
- *Chiến lược thị trường*: Tiếp tục duy trì và phát triển hơn nữa thương hiệu Tổng công ty trong ngành, nâng cao uy tín với các chủ đầu tư và trở thành nhà đầu tư có hiệu quả các dự án BOT, BOO, ...

- *Chiến lược khoa học công nghệ*: Sở hữu các công nghệ thi công cầu đường tiên tiến như cầu dây văng, cầu trên biển, cảng biển, cầu bê tông cốt thép khẩu độ lớn, thi công đường bộ cao tốc, ...

5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần

❖ ***Vốn điều lệ***

– Vốn điều lệ: 600.000.000.000 đồng .

– Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/1 cổ phần.

– Số lượng cổ phần: 60.000.000 cổ phần.

❖ ***Cơ cấu cổ đông***

Stt	Cổ đông	Cổ phần		Tỷ lệ vốn góp (%)
		Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	
1	Cổ đông Nhà nước	21.000.000	210.000.000.000	35
2	Cổ đông là CBCNV-	5.174.800	51.748.000.000	8,62
2.1	*Cổ phần ưu đãi giảm giá*	996,800	9.968.000.000	1,66
2.2	*Cổ phần giá ưu đãi mua thêm*	4.178.000	41.780.000.000	6.96
3	Cổ đông là tổ chức Công đoàn	1.800.000	18.000.000.000	3,0
4	Cổ phần bán ra bên ngoài	32.025.200	320.252.000.000	53,38
4.1	*Cổ đông là nhà đầu tư chiến lược*	15.900.000	159.000.000.000	26,5
4.2	*Cổ đông mua cổ phần phổ thông qua đấu giá*	16.125.200	161.252.000.000	26,88
	Tổng cộng	**60.000.000**	**600.000.000.000**	**100%**

❖ ***Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần:***

Trong kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty sau cổ phần hóa, CIENCO 4 dự kiến vào thời điểm thích hợp trong giai đoạn 2014-2015 sẽ tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng.

VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Phương thức bán

❖ ***Đối với người lao động***

➢ *Cổ phần ưu đãi giảm giá theo quy định tại khoản 1 Điều 48 NĐ 59/2011/NĐ-CP*

– Tổng số lao động : 1.440 người

– Tổng số lao động được mua ưu đãi : 1.102 người

- Tổng số năm công tác : 9.968 năm
- Tổng số cổ phần người lao động được mua ưu đãi : 996.800 cổ phần.
- Tỷ lệ chiếm : 1,66 % vốn điều lệ
- Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệpvới giá ưu đãi bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược

➢ *Cổ phần ưu đãi giảm giá theo quy định tại khoản 2 Điều 48 NĐ 59/2011/NĐ-CP*

- Tiêu chí xác định : Biên bản Hội nghị người lao động ngày 02/11/2013
- Tổng số lao động cam kết làm việc lâu dài : 1.378 người
- Tổng số cổ phần được mua theo cam kết làm việc : 4.178.000 cổ phần.
- Tỷ lệ chiếm : 6,96 % vốn điều lệ
- Giá bán bằng giá bán thành công thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược.

❖ ***Đối với cổ phần bán cho tổ chức công đoàn:***

- Tổ chức Công đoàn Văn phòng Công ty mẹ và các Công đoàn Chi nhánh Tổng công ty đăng ký mua 3% vốn điều lệ từ nguồn quỹ của Công đoàn để tham gia mua cổ phần.
- Số cổ phần bán cho tổ chức công đoàn là: 1.800.000 cổ phần.
- Giá bán cho tổ chức công đoàn bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược.

❖ ***Đối với cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:***

- Số lượng nhà đầu tư chiến lược của Công ty là: 02 nhà đầu tư.
- Số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là: 15.900.000 cổ phần chiếm 26,5% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.
- Giá bán cho cổ đông chiến lược: là giá thỏa thuận với các cổ đông chiến lược và không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần.

❖ ***Đối với cổ phần thực hiện đấu giá công khai***

- Cổ phần bán đấu giá: 16.125.200 cổ phần (tương đương với 26,88% Vốn điều lệ
- Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần.

Trình tự thủ tục và các quy định cụ thể về tham dự đấu giá được quy định chi tiết tại "Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 4" do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) ban hành.

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với cổ phần bán đấu giá công khai: Phương thức và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định cụ thể trong "Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 4" do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) ban hành;

– Đối với cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên, tổ chức công đoàn, cổ đông chiến lược: do Ban Chỉ đạo cổ phần hoá quy định.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ

❖ Tiền thu từ cổ phần hóa để lại doanh nghiệp phần giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá; phần thặng dư vốn (chênh lệch giữa tiền thu từ cổ phần hóa và tổng mệnh giá cổ phần phát hành thêm) được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và giải quyết chế độ chính sách đối với người lao động đôi dư, nếu thiếu được xử lý theo quy định.

❖ Phần còn lại (nếu có) để lại cho Công ty cổ phần theo tỷ lệ tương ứng với cổ phần phát hành thêm trong cơ cấu vốn điều lệ. Phần còn lại nộp về Quỹ theo quy định.

STT	Khoản mục	Ký hiệu	Giá trị (VNĐ)
1	**Vốn điều lệ Công ty cổ phần**	(a)	**600.000.000.000**
2	**Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại**	(b)	**383.086.147.469**
3	**Tiền thu từ cổ phần hoá**	(c)	**378.812.800.000**
3.1	Thu từ bán CP cho tổ chức Công đoàn		10.800.000.000
3.2	Thu từ bán cổ phần ưu đãi cho CNCNV		47.760.800.000
	a) Bán ưu đãi theo số năm công tác trong khu vực nhà nước		*5.980.800.000*
	b) Ban ưu đãi theo số năm cam kết tiếp tục làm việc trong Công ty cổ phần		*41.780.000.000*
3.3	Thu từ bán cổ phần cho cổ đông chiến lược		159.000.000.000
3.4	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		161.252.000.000
4	**Giá trị mệnh giá CP đã bán cho CBNV, tổ chức công đoàn, cổ đông chiến lược và bán đấu giá ra bên ngoài**	(d)	**390.000.000.000**
5	**Giá trị mệnh giá CP phát hành thêm để lại DN**	(e) = (a) - (b)	**216.913.852.531**
6	**Chi phí cổ phần hoá**	(f)	**2.384.300.000**
7	**Chi phí giải quyết lao động dôi dư**	(g)	**2.727.861.754**
8	**Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ**	(h)=[(c)–(d)–(f)- (g)] x [(e)/(a)]	**0**
9	**Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách**	(c) – (e) – (f) – (g) –(h)	**156.786.785.715**

Nguồn: Phương án Cổ phần hóa CIENCO4

IX. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Rủi ro về nền kinh tế

Với đặc thù chuyên cung cấp các sản phẩm thi công trong lĩnh vực xây dựng mà nổi bật là xây dựng và thi công các công trình đường giao thông… hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng nhất định trước những biến động thay đổi theo chu kỳ của nền kinh tế. Kinh tế càng phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, sức mua gia tăng sẽ kéo theo nhu cầu xây dựng hạ tầng, nhà xưởng, đường giao thông và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh ngày càng nhiều, qua đó đẩy mạnh cầu về sản phẩm thi công công trình, đem lại cơ hội phát triển và gia tăng doanh thu, thị phần tiêu thụ cho Tổng Công ty. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, vô hình chung sẽ tác động ngược lại đến sự phát triển của ngành xây dựng nói chung và của Tổng Công ty nói riêng.

1.1 Rủi ro tăng trưởng và lạm phát

Việt Nam là nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong giai đoạn 2002-2007 duy trì ở mức 7,9%/năm. Tuy nhiên, từ năm 2008 đến nay, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nói chung và tình hình lạm phát nói riêng ở Việt Nam đã ở mức báo động.

Trước bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm khó lường, Việt Nam đã có chủ trương đúng về tập trung cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm tăng trưởng hợp lý. Nhờ các chủ trương đúng đắn này và sự chỉ đạo kiên quyết của lãnh đạo cấp cao, lãnh đạo các ngành, địa phương tình trạng lạm phát được đánh giá đã được kiểm soát, giảm khá đều đặn từ 23% thời điểm tháng 8/2011 còn 5% thời điểm tháng 8/2012.

Bước sang năm 2013, tiếp tục thực hiện các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, điều chỉnh giảm lãi suất, đẩy nhanh tiến trình xử lý nợ xấu, sớm đưa VAMC – công ty mua bán nợ đi vào hoạt động, chủ động đưa ra các gói hỗ trợ lãi suất để hỗ trợ khu vực xây dựng và thị trường bất động sản … mặc dù các điều kiện về tài chính toàn cầu đã và đang được cải thiện nhưng nhìn chung chưa phục hồi, tăng trưởng chậm và vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất lợi nên 6 tháng đầu năm 2013, kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn. GDP 6 tháng đầu năm 2013 ước tăng 4,9% so với cùng kỳ 2012. Tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm 2013 xấp xỉ mức tăng cùng kỳ 2012 (4,93%) nhưng thấp hơn nhiều mức tăng 6,22% của cùng kỳ 2010 và mức tăng 5,92% của cùng kỳ 2011. Theo đánh giá của một số chuyên gia kinh tế, mục tiêu tăng trưởng GDP 5,5% mà Việt Nam đặt ra là một thách thức lớn và khó hoàn thành.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2013 tăng 0,05% so với tháng trước. Lạm phát 6 tháng đầu năm nhìn chung không có biến động lớn. Riêng chỉ số giá mặt hàng lương thực và thực phẩm chỉ tăng vào 2 tháng đầu năm, các tháng sau có chỉ số giá giảm. CPI tháng 6/2013

tăng 2,4% so với tháng 12/2012 và tăng 6,69% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm nay tăng 6,73% so với cùng kỳ năm 2012.

1.2 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong 6 tháng năm 2013, lãi suất huy động và cho vay đều ở xu hướng giảm mạnh. Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã có 3 lần điều chỉnh giảm lãi suất, ngày 26/3 giảm 1% các lãi suất chủ chốt, ngày 10/5 giảm tiếp 1% các lãi suất chủ chốt. Lãi suất huy động liên tục giảm do tín dụng tăng yếu, ngân hàng thừa vốn. Đến cuối tháng 6, lãi suất huy động kỳ hạn ngắn dao động từ 5% - 7%/năm, lãi suất kỳ hạn dài từ 7,1% - 10%/năm đang tạm thời giải quyết áp lực về chi phí sử dụng vốn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để tạo điều kiện các doanh nghiệp hoạt động ổn định, lãi suất cho vay cũng cần phải được ổn định lâu dài như hiện nay.

Như vậy, trong một nền kinh tế chung chưa phục hồi, tăng trưởng chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp.

2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây nên không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện.

Tổng Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp và chịu sự điều tiết của các văn bản pháp luật liên quan, do vậy những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới đang từng bước xây dựng và hoàn chỉnh nên Tổng Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù

❖ ***Rủi ro hoạt động***

Đặc thù hoạt động của Tổng Công ty là thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, song song với đó là việc giải ngân thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, có nhiều dự án, công trình xây dựng mà chủ đầu tư lập dự toán còn thiếu tương xứng với nguồn vốn

đầu tư dẫn tới thời gian thi công bị kéo dài, điều đó càng làm chậm tiến độ giải ngân, thanh quyết toán của các công trình, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng Công ty, đôi khi phản ánh không đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Tổng Công ty giữa các quý hoạt động cũng như trong năm tài chính.

Để khắc phục rủi ro này Tổng Công ty thực hiện biện pháp tập trung đẩy nhanh tiến độ công trình, tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán thu hồi vốn, thi công đến đâu nghiệm thu ngay đến đó.

❖ ***Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào***

Với đặc thù của một đơn vị thi công xây lắp, chi phí nguyên vật liệu của Tổng Công ty chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi phí. Bên cạnh đó công nghệ thi công của Tổng Công ty chủ yếu dựa vào hệ máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng, để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Tuy nhiên, nguồn nguyên nhiên vật liệu hiện nay Tổng Công ty sử dụng chịu khá nhiều ảnh hưởng của sự biến động của giá cả nhiên liệu trong nước và thế giới, giá cả các loại vật liệu xây dựng như nhựa đường, xi măng, sắt thép, vật liệu nổ, giá xăng dầu, … đều có xu hướng ngày càng tăng do đó tác động không nhỏ đến tình hình và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty. Xác định được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này, Tổng Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tạo sự ổn định cho nguồn nguyên nhiên vật liệu như việc ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động, ký các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu dài hạn và tạo dựng mối quan hệ làm ăn uy tín, bền vững với các nhà cung cấp, … nhằm hạn chế tối đa rủi ro này.

❖ ***Rủi ro về thị trường và cạnh tranh:***

Thị trường xây dựng phụ thuộc nhiều vào kế hoạch đầu tư, khối lượng và tiến độ thi công các công trình, trong khi đó số lượng doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này ngày càng nhiều đem lại sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Cạnh tranh một mặt không thể tránh khỏi áp lực phải hạ giá thi công, doanh số và lợi nhuận, mặt khác lại đòi hỏi các doanh nghiệp xây dựng phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận thị trường, duy trì và gia tăng thị phần tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng và tiến độ bàn giao thành phẩm.

❖ ***Rủi ro về mặt kỹ thuật:***

Lĩnh vực xây dựng đòi hỏi phải có hệ thống thiết bị kỹ thuật và máy móc thi công phù hợp và đảm bảo, với sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học kỹ thuật thì sự lỗi thời là khó tránh khỏi, đòi hỏi Công ty phải có chế độ khấu hao và kế hoạch mua sắm máy móc trang thiết bị hợp lý nhằm giảm thiểu giá thành nhưng vẫn đảm bảo hệ thống kỹ thuật phục vụ thi công xây dựng.

❖ ***Rủi ro về lãi suất và khả năng thanh toán:***

Rủi ro này xuất phát từ đặc thù của ngành xây dựng đó là các dự án thi công thường có thời hạn tương đối dài trong khi vốn đầu tư lớn, nguồn vốn ứ đọng tại các công trình nhiều, các khoản phải thu khách hàng chưa thu hồi được ngay do đó Tổng Công ty phải huy động vốn từ các nguồn bên ngoài, nợ phải trả thường xuyên chiếm tỷ trọng cao. Vay nợ, đặc biệt là

các khoản nợ dài hạn ngân hàng, Công ty phải trả chi phí lãi vay nên sẽ không thể tránh khỏi rủi ro về lãi suất và rủi ro về khả năng thanh toán khi không thu hồi kịp thời các khoản nợ từ khách hàng. Để khắc phục những tồn tại trên Tổng Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp bước đầu mang lại hiệu quả như: kiểm soát chặt chẽ các khoản công nợ phải thu và thực hiện việc tái cấu trúc nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng nguồn vốn dài hạn trong tổng nguồn vốn của Tổng Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phiếu mà mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào yếu tố mang tính kinh tế và cả yếu tố tâm lý của nhà đầu tư vì vậy có thể xảy ra khả năng không phân phối hết số lượng cổ phần chào bán đấu giá.

5. Các rủi ro khác

Theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, khoản phát sinh chênh lệch giảm giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (đối với Công ty là ngày 31/06/2013) thì xử lý như sau:

a) Nếu do nguyên nhân khách quan:

Nếu do nguyên nhân khách quan (do thiên tai; địch họa; do Nhà nước thay đổi chính sách hoặc do biến động của thị trường quốc tế và các nguyên nhân bất khả kháng khác) doanh nghiệp báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét, quyết định việc sử dụng tiền thu từ bán cổ phần để bù đắp tổn thất sau khi trừ đi bồi thường của bảo hiểm (nếu có). Trường hợp tiền thu từ bán cổ phần không đủ bù đắp, cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét thông qua Đại hội đồng cổ đông để điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần.

b) Nếu do nguyên nhân chủ quan:

- Nếu lỗ do việc không xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp thì phải xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên quan: doanh nghiệp, tổ chức tư vấn định giá và cơ quan quyết định cổ phần hóa để xử lý bồi thường vật chất;
- Nếu lỗ do điều hành sản xuất, kinh doanh thì các cán bộ quản lý doanh nghiệp đó có trách nhiệm bồi thường toàn bộ tổn thất do chủ quan gây ra theo quy định hiện hành;
- Trường hợp vì lý do bất khả kháng mà người có trách nhiệm bồi thường không có khả năng thực hiện việc bồi thường theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phần tổn thất còn lại được xử lý như trường hợp do nguyên nhân khách quan theo quy định tại mục a nói trên.

Ngoài ra còn có các rủi ro khác như thiên tai, bệnh dịch, chiến tranh, hỏa hoạn,... là những

rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Công ty.

X. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra ngoài công chúng của Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 4, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Tổng Công ty.

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2014

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN

(Đã ký)

NGUYỄN QUANG VINH

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4

TỔNG GIÁM ĐỐC	KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Đã ký)	*(Đã ký)*
LÊ NGỌC HOA	**NGUYỄN VĨNH LỘC**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

VŨ ĐỨC TIẾN